VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM TUẤN ANH

TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 8 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS.TS. HỒ TRỌNG NGŨ

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tác giả. Các số liệu trong luận văn hoàn toàn chính xác. Toàn bộ nội dung trong luận văn không sao chép của bất cứ tác giả nào, trường hợp trích dẫn tài liệu để phân tích, trình bày đều có chú thích tác giả theo đúng quy định.

Tác giả luận văn

PHẠM TUẤN ANH

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN 7

1.1. Khái niệm và những dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản 7

1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam đối với tội trộm cắp tài sản. 17

1.3. Phân biệt tội trộm cắp tài sản với một số tội chiếm đoạt tài sản khác. 33

Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI 37

2.1. Định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản. 37

2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản. 60

Chương 3: CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN 66

3.1. Nâng cao nhận thức về định tội danh về tội trộm cắp tài sản theo Bộ luật hình sự 2015 66

3.2. Tăng cường hướng dẫn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội trộm cắp tài sản. 67

3.3. Nâng cao năng lực của chủ thể áp dụng pháp luật về tội trộm cắp tài sản. 74

3.4. Tổng kết thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội trộm cắp tài sản. 75

KẾT LUẬN 78

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 80

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nhìn lại sau ba mươi năm đổi mới kể từ năm 1986, đất nước ta do Đảng lãnh đạo đã đạt được những thành quả to lớn, toàn diện trên tất các các mặt của đời sống xã hội. Cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, Đảng ta chủ trương giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, tạo tiền đề vững chắc cho sự nghiệp phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh những thành tựu to lớn mà chúng ta đã đạt được, vẫn còn những khuyết điểm, yếu kém và không ít vấn đề bức xúc nảy sinh chưa được giải quyết đó là sự tha hóa, biến chất về đạo đức, lối sống thực dụng và hưởng thụ của một bộ phận con người trong xã hội làm phát sinh tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt là tình hình tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp, tính chất, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, nhiều vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng.

Sóc Sơn là một huyện ngoại thành của Thủ đô Hà Nội, nằm ở cửa ngõ phía Bắc, tiếp giáp với nhiều huyện của các tỉnh, bao gồm phía Bắc giáp huyện Phổ Yên của tỉnh Thái Nguyên, phía Đông Bắc giáp huyện Hiệp Hoà của tỉnh Bắc Giang, phía Đông Nam giáp huyện Yên Phong của tỉnh Bắc Ninh, phía Nam giáp huyện Đông Anh, phía Tây giáp huyện Mê Linh và thành phố Phúc Yên của tỉnh Vĩnh Phúc. Toàn huyện có 25 xã và 01 thị trấn, trong đó thị trấn Sóc Sơn là khu vực trung tâm, 25 xã còn lại được chia thành 3 khu vực gồm 8 xã vùng trũng, 9 xã đồi gò và 8 xã vùng giữa. Dân số của huyện trên 34 vạn người.

Huyện Sóc Sơn là nút giao thông quan trọng nằm ở cửa ngõ phía bắc của Thủ đô Hà Nội với nhiều tuyến đường giao thông quan trọng như: đường Võ Nguyên Giáp (nối từ trung tâm Hà Nội đến sân bay quốc tế Nội Bài);

đường Quốc lộ 2; Quốc lộ 3; Quốc lộ 18; đường Võ Văn Kiệt; đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai,… đặc biệt Sóc Sơn có Sân bay Quốc tế Nội Bài là nơi thông thương quan trọng của cả nước. Mặc dù có nhiều thuận lợi về điều kiện kinh tế - xã hội cũng như hạ tầng kỹ thuật, sự đang trên đà phát triển của huyện Sóc Sơn, tuy nhiên đây cũng là điều kiện để tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội có những diễn biến phức tạp cả về tính chất và mức độ, được thể hiện ở tình hình tội phạm, trong đó có tình hình tội trộm cắp tài sản nói riêng và nhóm các tội xâm phạm sở hữu nói chung.

Theo con số thống kê những vụ án đã xét xử của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn trong 5 năm qua (từ năm 2013 - 2017) tại huyện Sóc Sơn đã xảy ra 1.062 vụ phạm pháp hình sự với 2.500 bị cáo, trung bình mỗi năm xảy ra 212,4 vụ với 500 bị cáo. Trong đó, nhóm các tội xâm phạm sở hữu chiếm 41,4% về số vụ (440 vụ) và 28,1% về số bị cáo (703 bị cáo). Đáng chú ý là tội trộm cắp tài sản chiếm 20,2% về số vụ (215 vụ) và 12,76% về số bị cáo (319 bị cáo) trên số vụ và bị cáo phạm tội nói chung trên địa bàn huyện.

Thực tiễn công tác đấu tranh, phòng chống và xử lý tội phạm cho thấy, nhờ sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan tiến hành tố tụng, chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử ngày càng được nâng cao. Số vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn đã được phát hiện chiếm tỷ lệ cao và được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật. Song bên cạnh đó, công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn vẫn còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân chính là do ý thức tự bảo vệ tài sản của mình và tham gia bảo vệ tài sản của người khác trong quần chúng nhân dân còn chưa cao; các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa đánh giá hết tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, việc áp dụng một số quy định của pháp luật còn chưa thống nhất; các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế mặc dù có điều kiện về kinh tế nhưng công tác bảo vệ tài sản còn nhiều hạn chế, mất cảnh giác,

không quan tâm trang bị các phương tiện khoa học kỹ thuật để phục vụ cho việc phòng ngừa và chống tội phạm; số đối tượng bị phạt tù sau khi chấp hành xong hình phạt tù để tái hòa nhập cộng đồng còn chưa được quản lý chặt chẽ, chưa được tạo điều kiện để họ tái hòa nhập cộng đồng và chưa được tạo điều kiện về công ăn việc làm, do đó số đối tượng này không có việc làm còn nhiều nên tỷ lệ tái phạm còn cao. Chính vì vậy, Tác giả lựa chọn đề tài "Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội" làm luận văn Thạc sĩ với mong muốn trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn xử lý loại tội này sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội trộm cắp tài sản tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, vấn đề xây dựng pháp luật hình sự áp dụng cho tội trộm cắp tài sản đã thu hút không ít sự quan tâm của các nhà tội phạm học, đặc biệt là các nhà nghiên cứu Luật, trước hết phải kể đến các công trình nghiên cứu có tính lý luận như: *Luật hình sự Việt Nam phần chung* của tác giả Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014; *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (tập 2)* Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2009; *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (phần các tội phạm),* Viện khoa học pháp lý, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tiếp đó là các công trình nghiên cứu luận văn thạc sĩ luật học như *Đấu tranh phòng chống tội trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội* của tác giả Thân Như Thành; *Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên* của tác giả Dương Văn Hưn. Ngoài ra, còn một số bài viết trong các tạp chí Kiểm sát, Tòa án như bài *Định tội danh* của PGS. TSKH Lê Cảm (tạp chí Tòa án)…

Các bài viết, các đề tài và các công trình nghiên cứu trên đã làm sáng tỏ các vấn đề về sự hình thành cũng như các quy định về tội trộm cắp tài sản trong PLHS Việt Nam kể từ khi nước ta giành được độc lập đến nay. Tuy nhiên, chưa

có công trình nghiên cứu chuyên sâu tội trộm cắp tài sản từ thực tiễn huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội. Vì vậy, thông qua quá trình nghiên cứu Luận văn này, tác giả đi sẽ sâu tìm hiểu toàn diện về loại tội trộm cắp tài sản, từ đó kế thừa những nội dung đã được tiếp cận từ các công trình nghiên cứu của các tác giả trước đây để tìm ra nguyên nhân, điều kiện phát sinh loại tội phạm này, thực trạng các quy định của pháp luật được áp dụng trong thực tiễn, từ đó đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện và áp dụng đúng các quy định của pháp luật về tội trộm cắp tài sản.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, pháp luật và phân tích thực tiễn áp dụng về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017, luận văn đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản và về hình phạt, cũng như kiến nghị, giải pháp áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản một cách phù hợp hơn nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn nói riêng, thành phố Hà Nội nói chung.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn cần thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu:

- Phân tích khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam;

- Phân biệt tội trộm cắp tài sản với một số tội phạm xâm phạm sở hữu khác;

- Khái quát lịch sử hình thành các quy định của pháp luật Việt Nam về tội trộm cắp tài sản ở Việt Nam;

- Phân tích thực tiễn định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; những hạn chế, bất cập trong định tội danh tội trộm cắp tài sản và đề xuất giải pháp khắc phục;

- Phân tích thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; những hạn chế, bất cập trong quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản và đề xuất kiến nghị.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

4.1. Đối tượng nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu đó là các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản; các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học. Tác giả lấy các quy định của pháp luật, các quan điểm khoa học và thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu.

Về nội dung, đề tài được nghiên cứu dưới góc độ của Luật hình sự và tố tụng hình sự.

Về không gian, đề tài được nghiên cứu và khảo sát trong phạm vi huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Về thời gian, đề tài nghiên cứu số liệu thực tế từ thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội từ năm 2013 đến năm 2017.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận.

Đề tài được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm, đường lối chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh, phòng chống tội phạm.

5.2. Phương pháp nghiên cứu.

Để đạt được kết quả, nhiệm vụ và mục tiêu đặt ra trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự, trong đó có kể đến là: phương pháp lịch sử, so sánh, kể cả luật so sánh; tổng kết thực tiễn; phân tích và phân tích quy phạm; thống kê; tổng hợp …

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Về mặt lý luận: Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần vào nâng cao nhận thức và áp dụng pháp luật cũng như hoàn thiện lý luận về tội trộm cắp tài sản trong khoa học luật hình sự Việt Nam. Với kết quả đạt được trong quá trình nghiên cứu, luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác đào tạo luật và nghiên cứu khoa học.

Về mặt thực tiễn: Với kết quả đạt được trong nghiên cứu của luận văn thì có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong thực tiễn công tác chỉ đạo, điều hành và tiến hành hoạt động áp dụng pháp luật, đặc biệt là nâng cao hiệu quả công tác của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng khi giải quyết các vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn bao gồm: Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung của luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội.

Chương 3: Các biện pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản.

Chương 1

CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN

1.1. Khái niệm và những dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản

1.1.1. Khái niệm tội trộm cắp tài sản.

Theo từ điển pháp luật hình sự định nghĩa tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đang có người khác quản lý [49, 283].

Theo pháp luật hình sự hiện hành ở nước ta, khái niệm tội phạm được các nhà làm luật ghi nhận trong Điều 8 BLHS Việt Nam năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi là BLHS năm 2015). Theo đó, *tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự* [12, Điều 8].

Trong BLHS Việt Nam, tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173, trong chương XVI các tội xâm phạm sở hữu BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 với khách thể trực tiếp của tội phạm là quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức. Là tội phạm có bản chất là tội chiếm đoạt, tức là người có hành vi trộm cắp tài sản đã cố ý chuyển dịch bất hợp pháp tài sản từ người có tài sản sang mình hoặc sang cho người khác mà mình quan tâm đến. Thủ đoạn của việc chiếm đoạt đó là hành vi được thực hiện một cách lén lút. Ngoài những dấu hiệu pháp lý chung của tội phạm thì tội trộm cắp tài sản còn có một số đặc điểm, dấu hiệu pháp lý riêng, vừa để xác định bản chất pháp lý cơ bản của tội trộm cắp tài sản, vừa để phân biệt giữa tội trộm cắp tài sản với

một số tội có tính chất chiếm đoạt khác.

Căn cứ quy định của Điều 173 BLHS năm 2015 và trên cơ sở tổng kết các quan điểm khác nhau trong khoa học luật hình sự, khái niệm tội trộm cắp tài sản được định nghĩa như sau: *"Tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đang do người khác quản lý, được thực hiện bởi người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện một cách cố ý, xâm phạm quan hệ sở hữu tài sản của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân".*

Đặc điểm riêng biệt mang tính đặc thù của tội trộm cắp tài sản là hành vi thực hiện một cách lén lút, không có tính chất lén lút thì không phải là trộm cắp tài sản. Các nghiên cứu của các nhà khoa học đều coi lén lút là thủ đoạn chiếm đoạt của tội trộm cắp tài sản và đã là hành vi lén lút thì có nghĩa là bí mật, không công khai. Trong tội trộm cắp tài sản, thì hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có đầy đủ những dấu hiệu này, thiếu một trong những dấu hiệu đó sẽ không thể hiện được bản chất của sự lén lút, bởi nếu làm một việc quang minh chính đại thì không bao giờ phải lén lút. Hay nói cách khác, lén lút là hành vi của một người cố ý thực hiện một việc làm giấu diếm, vụng trộm và không để lộ cho người khác biết để nhằm mục đích chiếm đoạt trái phép tài sản của họ. Tuy nhiên, nếu tất cả hành vi lén lút của tội trộm cắp tài sản được thực hiện một cách vụng trộm, giấu diếm thì việc nhận biết, đánh giá và việc định tội danh cũng dễ dàng hơn. Nhưng trong thực tế thì hành vi lén lút có nhiều cách thể hiện khác nhau. Có những hành vi lén lút được thực hiện một cách vụng trộm, giấu diếm đó là trường hợp che giấu toàn bộ sự việc phạm tội, nhưng cũng có những hành vi lén lút lại được người phạm tội thực hiện một cách công khai, không có ý giấu diếm hoặc che đậy, đó là trường hợp người phạm tội chỉ che giấu hành vi phạm tội đối với chủ tài sản mà không che giấu đối với những người xung quanh.

Mặc dù tính chất lén lút là trưng cơ bản nổi bật của tội trộm cắp tài sản nhưng không phải là đặc trưng duy nhất của tội trộm cắp tài sản mà đi kèm với nó là hành vi chiếm đoạt tài sản.

Đối chiếu với đặc trưng nổi bật như vậy, thì quy định của Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới cũng tương tự, ví dụ:

**** Quy định của Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về tội trộm cắp tài sản.***

BLHS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 2 ngày 01/7/1979, có hiệu lực từ ngày 01/01/1980 và được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1997, 1999, 2001, 2002 và 2005.

Theo đó, tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 264 trong chương "Tội xâm phạm tài sản" BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa như sau: *"Người nào có hành vi trộm cắp tài sản của công hoặc tư với số lượng tương đối lớn hoặc trộm cắp nhiều lần thì bị phạt tù đến dưới ba năm, cải tạo lao động hoặc quản chế, kèm theo phạt tiền hoặc chỉ bị phạt tiền; nếu trộm cắp với số lượng lớn hoặc có những tình tiết nghiêm trọng khác thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm và bị phạt tiền; nếu trộm cắp với số lượng đặc biệt lớn hoặc có những tình tiết đặc biệt nghiêm trọng khác thì bị phạt tù từ mười năm trở lên hoặc tù chung thân và bị phạt tiền hoặc tịch thu tài sản; nếu có một trong những hành vi dưới đây thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình và bị tịch thu tài sản: 1. Trộm cắp tiền, tài sản với số lượng đặc biệt lớn từ ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính khác; 2. Trộm cắp di sản quý hiếm, có tình tiết nghiêm trọng"* [13, tr168].

Thông qua quy định trên cho thấy điều luật cũng chỉ nêu được tên của hành vi trộm cắp tài sản mà không đưa ra được khái niệm mô tả hành vi thế nào là trộm cắp tài sản.

Dấu hiệu bắt buộc được phản ánh trong cấu thành tội phạm của điều luật này là hậu quả thiệt hại về tài sản, đồng thời điều luật cũng không quy định rõ giá trị tài sản bị chiếm đoạt tối thiểu là bao nhiêu mà chỉ sử dụng các thuật ngữ chung chung như "số lượng lớn", "số lượng đặc biệt lớn", điều này sẽ dẫn đến việc áp dụng pháp luật một cách tùy tiện, và quy định như vậy

cũng rất khó để xác định được đâu là vi phạm hành chính và đâu là vi phạm hình sự.

Về hình phạt bao gồm hình phạt tiền, cải tạo lao động hoặc quản chế, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình. So với Bộ luật hình sự Việt Nam, hình phạt cao nhất đối với tội trộm cắp tài sảm là đến 20 năm, còn đối với Luật hình sự Trung Hoa là tử hình.

**** Quy định của BLHS Liên bang Nga đối với tội trộm cắp tài sản.***

Tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 158 chương *"Các tội xâm phạm quyền sở hữu"* của BLHS Liên bang Nga hiện hành, được ban hành năm 1996, sửa đổi, bổ sung năm 2010, như sau:

"1. Trộm cắp tài sản nghĩa là bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác thì bị phạt tiền đến tám mươi nghìn rúp hoặc bừng lương hoặc bằng thu nhập khác của người bị kết án đến sáu tháng, hoặc bị phạt lao động đến một trăm tám mươi giờ, hoặc bị phạt lao động cải tạo từ sáu tháng đến một năm, hoặc bị hạn chế tự do đến hai năm, hoặc bị phạt giam đến bốn tháng, hoặc bị phạt tù đến hai năm.

2. Hành vi trộm cắp tài sản được thực hiện:

a) Bởi nhóm người có bàn bạc từ trước;

b) Kèm theo hành vi đột nhập trái pháp luật vào nhà hoặc nhà kho khác;

c) Kèm theo việc gây ra thiệt hại đáng kể cho công dân;

d) Từ quần áo, túi xách hoặc đồ xách tay khác trên người bị hại thì bị phạt tiền đến hai trăm nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến mười tám tháng, hoặc bị phạt lao động bắt buộc từ một trăm tám mươi giờ đến hai trăm bốn mươi giờ, hoặc bị phạt lao động cải tạo từ một năm đến hai năm, hoặc bị phạt tù đến năm năm có hoặc không kèm theo bị hạn chế tự do đến một năm.

3. Hành vi trộm cắp tài sản được thực hiện:

a) Kèm theo hành vi đột nhập trái pháp luật vào nhà ở;

b) Từ ống dầu mỏ, ống dẫn các sản phẩm dầu mỏ, ống dẫn ga;

c) Ở mức độ nghiêm trọng thì bị phạt tiền từ một trăm nghìn đến năm trăm nghìn rúp hoặc bằng lương hoặc bằng thu nhập khác của người bị kết án đến mười tám tháng, hoặc bị phạt lao động bắt buộc từ một trăm tám mươi giờ đến hai trăm bốn mươi giờ, hoặc bị phạt lao động cải tạo từ một năm đến hai năm, hoặc bị phạt tù đến năm năm có hoặc không kèm theo bị hạn chế tự do đến một năm;

4. Hành vi trộm cắp được thực hiện:

a) Bởi nhóm có tổ chức;

b) Ở mức độ đặc biệt lớn thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm hoặc không kèm theo bị phạt tiền đến một triệu rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến năm năm có hoặc không kèm theo bị hạn chế tự do đến hai năm".

Theo quy định của Bộ luật hình sự Liên bang Nga cho thấy tại điều luật đã đưa ra được định nghĩa của tội trộm cắp tài sản. Theo đó, hành vi phạm tội trộm cắp tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản một cách bí mật tài sản của người khác. Điều luật đã mô tả được thế nào là hành vi trộm cắp, đó là hành vi bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng lại không quy định trị giá tài sản cụ thể là bao nhiêu mà chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác thì bị coi là phạm tội trộm cắp và phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, quy định này không phân biệt được ranh giới giữa vi phạm hành chính và hình sự về hành vi trộm cắp.

1.1.2. Dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản.

1.1.2.1. Khách thể của tội trộm cắp tài sản.

Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại [45, tr.86].

Cũng như các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trong phần

các tội xâm phạm sở hữu, tội trộm cắp tài sản đặc trưng bởi hành vi chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên hành vi chiếm đoạt tài sản của tội trộm cắp tài sản được thực hiện một cách lén lút, không xâm phạm đến quan hệ nhân thân mà trực tiếp xâm hại đến quan hệ sở hữu, đây cũng là một điểm khác với các tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản, tội bắt cóc nhằm CĐTS, đặc điểm này được thể hiện trong cấu thành tội trộm cắp tài sản mà nhà làm luật không quy định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe là tình tiết định khung hình phạt. Sau khi người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản nhưng bị đuổi bắt mà có hành vi chống lại người đuổi bắt để tẩu thoát mà gây chết người, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội còn phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người hoặc tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo hành vi tương ứng **(**Mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP).

1.1.2.2. Mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản.

Mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện bên ngoài của tội phạm bao gồm hành vi khách quan, hậu quả nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả [45, tr99].

a) Về hành vi khách quan.

Trong tội trộm cắp tài sản, người phạm tội chỉ có một hành vi khách quan duy nhất đó là CĐTS nhưng chiếm đoạt bằng hình thức lén lút, bí mật. Đặc trưng lén lút của hành vi chiếm đoạt trong tội trộm cắp tài sản cũng chỉ đòi hỏi phải có trong ý thức của người phạm tội, nó thể hiện ở việc người phạm tội che giấu hành vi đang phạm tội của mình, không cho phép chủ tài sản biết có hành vi CĐTS khi hành vi này đang xảy ra. Thực tế cho thấy, khi người phạm tội thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản với chủ sở hữu nhưng lại công khai CĐTS với những người có mặt ở đó nhưng những người có mặt lúc tài sản bị chiếm đoạt vì lý do nào đó mà không biết chủ tài sản là

ai, không có trách nhiệm quản lý tài sản đó thì hành vi của người CĐTS trong trường hợp này vẫn bị coi là hành vi trộm cắp tài sản; trong trường hợp này, người CĐTS chỉ có hành vi che giấu hành vi trộm cắp của mình đối với chủ tài sản hoặc người có trách nhiệm quản lý tài sản mà không cần che dấu với những người khác.

b) Về đối tượng tác động.

Để gây thiệt hại đến các quyền sở hữu về tài sản, người phạm tội trộm cắp tài sản phải tác động đến tài sản của chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản. Theo quy định của Bộ luật dân sự Việt Nam, tài sản có nhiều hình thức khác nhau. Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản; tài sản bao gồm bất động sản và động sản" [15, tr62].

Vật là một bộ phận của thế giới vật chất, nó tồn tại khách quan bên ngoài ý thức mà con người có thể cảm nhận bằng giác quan của mình. Với ý nghĩa phạm trù pháp lý, vật chỉ có ý nghĩa trở thành đối tượng của quan hệ pháp luật, tức là nó được con người kiểm soát và đáp ứng được một nhu cầu nào đó của con người. Không phải bất cứ một bộ phận nào của thế giới vật chất đều được coi là vật. Vì vậy, có trong thế giới vật chất, có những bộ phận ở dạng này thì được coi là vật nhưng ở dạng khác lại không được coi là vật. Như vậy, trong giao lưu dân sự muốn trở thành vật thì phải thỏa mãn được những điều kiện, đó là: là bộ phận của thế giới vật chất; mang lại lợi ích cho chủ thể; con người chiếm hữu được; có thể đang tồn tại hoặc có thể sẽ hình thành trong tương lai. Vật là một hình thức tài sản và có thể trở thành đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản. Vật phải nằm trong sự chiếm hữu của con người thì khi đó vật mới là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản. Đối với trường hợp vật vô chủ (có thể là trường hợp chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu của mình và tài sản không nằm trong phạm vi quản lý) thì hành vi lấy đi loại tài sản này không bị coi là phạm tội trộm cắp tài sản.

Vật được phân loại thành các nhóm khác nhau. Dựa vào mối liên hệ, phụ thuộc về công dụng của vật với nhau mà vật được phân thành: Vật chính là vật độc lập có thể khai thác theo tính năng (ti vi, điều hòa, máy ảnh…); vật phụ là vật trực tiếp phục vụ cho việc khai thác công dụng của vật chính, là một bộ phận của vật chính nhưng có thể tách rời vật chính điều (khiển ti vi, điều hòa, vỏ máy ảnh,…). Dựa vào việc xác định giá trị sử dụng của vật khi được chia ra thành nhiều phần nhỏ mà Bộ luật dân sự phân chia vật thành vật chia được và vật không chia được. Dựa vào đặc tính, giá trị của tài sản sau khi sử dụng thì chia thành vật tiêu hao và vật không tiêu hao. Dựa vào các dấu hiệu phân biệt của vật mà người ta phân loại vật thành vật thành vật cùng loại và vật đặc định. Ngoài ra, người ta còn chia ra làm vật đồng bộ và vật không đông bộ.

Tiền: Theo Mác thì tiền tệ là một thứ hàng hóa đặc biệt, được tách ra khỏi thế giới hàng hóa, dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của tất cả các loại hàng hóa khác. Nó trực tiếp thể hiện lao động xã hội và biểu hiện quan hệ sản xuất giữa những người sản xuất hàng hóa. Bộ luật dân sự năm 2015 quy định tiền là một loại tài sản nhưng lại không có quy định để làm rõ bản chất pháp lý của tiền. Chỉ có loại tiền có giá trị đang được lưu hành trên thực tế, tức là được pháp luật thừa nhận mới được coi là tài sản. Tiền là công cụ thanh toán đa năng, là công cụ tích lũy tài sản và là thước đo giá trị.

Giấy tờ có giá: Giấy tờ có giá là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ, trong đó xác nhận quyền tài sản của một chủ thể nhất định (www. vi.wikipedia.org). Giấy tờ có giá hiện nay tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau như séc, cổ phiếu, tín phiếu, hồi phiếu, kỳ phiếu, công trái… Xét về mặt hình thức giấy tờ có giá là một chứng chỉ được lập theo hình thức, trình tự luật định. Nội dung thể hiện trên giấy tờ có giá là thể hiện quyền tài sản, giá của giấy tờ có giá là giá trị quyền tài sản và quyền này được pháp luật bảo vệ. Giấy tờ có giá có tính thanh khoản và là công cụ có thể chuyển nhượng với điều kiện chuyển

nhượng tòan bộ một lần, việc chuyển nhượng một phần giấy tờ có giá là vô hiệu. Ngoài ra, giấy tờ có giá có tính thời hạn, tính có thể đưa ra yêu cầu, tính rủi ro.

Quyền tài sản: Theo Điều 115 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác [15, tr65]. Quyền là một quyền năng dân sự chủ quan của chủ thể và được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác.

c) Về hậu quả.

Hậu quả của tội trộm cắp tài sản do người phạm tội gây ra là thiệt hại về giá trị tài sản bị chiếm đoạt bất hợp pháp. Tài sản bị người phạm tội chiếm đoạt bao gồm các loại tiền, hàng hóa và các giấy tờ có giá trị thanh toán như ngân phiếu, công trái, trái phiếu… Căn cứ quy định của BLHS hiện hành, giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng trở lên mới cấu thành tội phạm; còn nếu tài sản bị chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng thì phải kèm theo điều kiện đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm; đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168 (tội cướp tài sản), 169 (tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản), 170 (tội cưỡng đoạt tài sản), 171 (tội cướp giật tài sản), 172 (tội công nhiên chiếm đoạt tài sản), 174 (tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản), 175 (tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản) và điều 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản) của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là di vật, cổ vật. Có thể khẳng định tội trộm cắp tài sản có cấu thành vật chất bởi dấu hiệu cấu thành hậu quả được phản ánh trong cấu

thành tội phạm của tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, mặc dù người có hành vi trộm cắp chưa chiếm đoạt được tài sản mà nằm ngoài ý muốn chủ quan của họ thì vẫn cấu thành tội trộm cắp tài sản nhưng là phạm tội chưa đạt chứ không nhất thiết phải có thiệt hại về tài sản mới cấu thành tội phạm.

d) Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả.

Mối quan hệ nhân quả phản ánh hành vi và hậu quả trong mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản. Theo đó, hành vi trái pháp luật phải xảy ra trước hậu quả về mặt thời gian; trong hành vi trái pháp luật phải chứa đựng khả năng thực tế, mầm mống nội tại, nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh hậu quả; hậu quả xảy ra phải là hiện thực hóa khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả của hành vi trái pháp luật.

1.1.2.3. Chủ thể của tội trộm cắp tài sản.

"Chủ thể của tội trộm cắp tài sản quy định tại tất cả các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 173 BLHS là người từ đủ 16 tuổi trở lên có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi có đủ năng lực trách nhiệm hình sự chỉ là chủ thể của tội trộm cắp tài sản quy định tại các khoản 3 và 4 Điều 173 BLHS".

Điều 12 BLHS năm 2015 quy định: *Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này* [12, tr14].

Như vậy, căn cứ theo Điều 8 và điều 173 BLHS hiện hành ta có thể xác định được rằng: Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản. Còn người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi mà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì chỉ phải chịu TNHS về tội trộm cắp tài sản theo

khoản 3 và khoản 4 Điều 173 BLHS.

1.1.2.4. Mặt chủ quan của tội trộm cắp tài sản.

Mặt chủ quan của tội phạm đó là những diễn biến tâm lý bên trong của người phạm tội bao gồm lỗi, mục đích và động cơ phạm tội. Giống như các tội có tính chất chiếm đoạt khác, tội trộm cắp tài sản cũng được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội trộm cắp tài sản nhận thức được rõ hành vi của mình là trái pháp luật và nguy hiểm cho xã hội và thấy trước hậu quả của hành vi đó khi tài sản của người khác bị chiếm đoạt trái phép và mong muốn hậu quả xảy ra. Mục đích của tội phạm là chiếm tài sản của người khác [33, tr.314].

Trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thì người phạm tội đã xuất hiện mục đích chiếm đoạt. Do vậy, có thể khẳng định dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành của tội trộm cắp tài sản là mục đích CĐTS. Tuy nhiên, cùng với mục đích chiếm đoạt thì người phạm tội còn có thể có những mục đích khác nếu mục đích đó không cấu thành một tội phạm độc lập khác thì người phạm tội cũng chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản.

1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam đối với tội trộm cắp tài sản.

1.2.1. Lịch sử phát triển những quy định của pháp luật Việt Nam về tội trộm cắp tài sản.

1.2.1.1. Từ năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985.

Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời sau thành công của Cách mạng tháng 8 đã phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách, đó là vừa phải đối phó với thù trong giặc ngoài, vừa phải từng bước quản lý, phát triển và xây dựng đất nước. Để bảo vệ thành quả của cách mạng và duy trì sự ổn định xã hội, Nhà nước ta đã ban hành nhiều Sắc lệnh, Nghị định, Thông tư để xử lý tội phạm nói chung, tập trung vào các tội phản cách mạng. Có nhiều văn bản pháp luật quy định xử lý tội phạm trong đó có các quy định về tội xâm phạm

sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng như: Sắc lệnh số 47/SL ngày 10/10/1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký cho phép tạm thời giữ lại các luật, lệ tại miền Bắc, Trung, Nam Bộ cho đến khi ban hành các VBPL thống nhất trong toàn quốc; Sắc lệnh số 12-SL ngày 12/3/1948 quy định trừng trị các hành vi trộm cắp vật dụng nhà binh trong thời bình và thời kỳ chiến tranh. Nghị định số 32 - NĐ ngày 06/4/1952 của Bộ tư pháp quy định đường lối xét xử các tội trộm cắp, lừa đảo, biển thủ tài sản; Thông tư số 11 - BK ngày 14/12/1949 của liên Bộ nội vụ, Quốc phòng, Tư pháp ấn định phương pháp đối phó với các vụ trộm cắp tại nơi có chiến sự.

Ngoài các văn bản pháp luật trên thì phải kể đến hai văn bản pháp luật được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 21/10/1970 đó là Pháp lệnh số 149-LCT về trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN và Pháp lệnh số 150-LCT về trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân. Tội trộm cắp tài sản được quy định thành hai loại, cụ thể là quy định tại Điều 7 Pháp lệnh về trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN và Điều 6 Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân.

Trong Pháp lệnh số 149-LCT về trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN và Pháp lệnh số 150-LCT về trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân đã xây dựng hai CTTP hoàn chỉnh về tội trộm cắp tài sản trong đó quy định riêng biệt về trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và trộm cắp tài sản riêng của công dân. Nội dung Pháp lệnh quy định cụ thể các tình tiết định khung trong điều luật, có các khung hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, góp phần phân hóa TNHS đối với người phạm tội. Việc ban hành đồng thời hai Pháp lệnh này đã thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta không những đối với tài sản của Nhà nước mà còn đối với cả tài sản riêng của công dân, làm cho người dân nâng cao niềm tin vào chính quyền Dân chủ cộng hòa, tích cực tham gia sản xuất và chiến đấu.

1.2.1.2. Bộ luật hình sự năm 1985 quy định về tội trộm cắp tài sản.

BLHS năm 1985 được Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27/6/1985, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/1986 đã đánh dấu một bước phát triển mới đối với kỹ thuật lập pháp của khoa học pháp lý nước ta nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Điều này đã khắc phục được tình trạng các văn bản pháp luật chồng chéo, không thống nhất trước đó; nó được thể hiện dưới hình thức Bộ luật, có tính bao quát tất cả các hành vi nguy hiểm cho xã hội, có tác dụng bảo vệ thành quả của cách mạng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tội trộm cắp tài sản được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1985 bao gồm hai Điều luật độc lập, trong đó Điều 132 BLHS quy định về tội trộm cắp tài sản XHCN và Điều 155 BLHS quy định về tội trộm cắp tài sản của công dân.

Tại Điều 132 BLHS năm 1985 về tội trộm cắp tài sản XHCN được quy định thành ba khoản với mức hình phạt thấp nhất của khoản 1 là "*phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm"* và hình phạt cao nhất quy định tại khoản 3 là *"tù chung thân hoặc tử hình"*. Tại Điều 155 BLHS năm 1985 về tội trộm cắp tài sản của công dân quy định thành ba khoản với mức hình phạt ở khoản 1 là "*phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm"* và khung hình phạt cao nhất ở khoản 3 là *"phạt tù từ bảy năm đến hai mươi năm"*.

Như vậy, so với các quy định tương ứng của các văn bản pháp luật đã được ban hành trước năm 1985 thì tại Điều 132 và Điều 155 BLHS năm 1985 đã quy định rõ ràng và cụ thể hơn hành vi phạm tội trộm cắp tài sản XHCN và hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của công dân.

Về hình phạt: Trong giai đoạn này, tư tưởng chỉ đạo là chú trọng bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản riêng của công dân. BLHS năm 1985 đã quy định tương đối đầy đủ và tập trung hệ thống hình phạt và tiêu chí áp dụng. Việc quy định như vậy đã thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc áp dụng hình phạt đó là không phải chỉ nhằm mục đích trừng trị mà

còn nhằm mục đích giáo dục, cải tạo và răn đe đối với những người khác.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: BLHS năm 1985 ra đời thì lần đầu tiên các quy định về tình tiết giảm nhẹ (Điều 38) và tình tiết tăng nặng (Điều 39) được quy định khá đầy đủ, làm tiêu chí để quyết định hình phạt. Ngoài ra, còn có một số hướng dẫn nghiệp vụ của Tòa án nhân dân Tối cao về một số tình tiết khác như người phạm tội đầu thú, gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo cũng được coi là tình tiết giảm nhẹ.

Với tính chất của tội phạm ngày càng gia tăng và thủ đoạn ngày càng tinh vi, BLHS năm 1985 chưa phản ánh được đầy đủ. Do đó, BLHS năm 1985 đã được Quốc hội nước ta đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 vào ngày 28/12/1989, trong đó bổ sung thêm quy định về một tình tiết định khung tăng nặng TNHS đối với người phạm tội vào điểm b khoản 2 Điều 155 tội trộm cắp tài sản của công dân, đó là *"có tính chất chuyên nghiệp"*. Tuy nhiên, trong thời gian này chưa có hướng dẫn cụ thể về tình tiết phạm tội *"có tính chất chuyên nghiệp"* mà chỉ có bài phát biểu kết luận của Chánh án TANDTC tại hội nghị tổng kết của ngành Tòa án năm 1991 về tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" là trường hợp ngoài bọn lưu manh chuyên nghiệp ra, người thực hiện một hay nhiều tội cùng loại (thuộc nhóm khách thể) những tội phạm lặp đi lặp lại nhiều lần hoặc nghề sống chính thì đều coi là "có tính chất chuyên nghiệp". Đến nay, Nghị quyết số 01/2006/HĐTP-TANDTC ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn cụ thể tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", đó là người phạm tội phải thỏa mãn hai điều kiện là cố ý phạm tội từ 5 lần trở lên về cùng một tội phạm nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích mà không cần phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS và họ lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính [29, mục 5].

BLHS năm 1985 ra đời đã đánh dấu một bước phát triển trong kỹ thuật

lập pháp, tuy nhiên nó được ban hành trong thời kỳ tập trung, quan liêu, bao cấp, có sự phân biệt rõ ràng trong việc bảo vệ tài sản XHCN và tài sản của công dân. Mặc dù đã trải qua bốn lần sửa đổi, bổ sung (vào các năm 28/12/1989, 12/8/1991, 22/12/1992, 10/5/1997) nhưng những lần sửa đổi, bổ sung này chủ yếu nhằm phục vụ cho cuộc đấu tranh đối với một số loại tội phạm nhất định, và sau các lần sửa đổi, bổ sung đó thì BLHS đã không còn là một chỉnh thể thống nhất, do đó cần có một BLHS mới thay thế để phù hợp với điều kiện xã hội hơn. Chính vì lẽ đó, BLHS năm 1999 ra đời trên cơ sở kế thừa và phát triển cho phù hợp với điều kiện và tình hình xã hội lúc bấy giờ đã thay thế BLHS năm 1985. Tội trộm cắp tài sản thay vì quy định ở hai điều luật khác nhau như ở BLHS năm 1985 (Điều 132 tội trộm cắp tài sản XHCN và Điều 155 tội trộm cắp tài sản của công dân) thì nay đã được quy định trong một điều luật, đó là Điều 138 BLHS năm 1999.

1.2.1.3. Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về tội trộm cắp tài sản.

Bộ luật hình sự năm 1999 được thông qua ngày 21/12/1999 tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa X và có hiệu lực từ ngày 01/7/2000 cho thấy trong tư tưởng của các nhà làm luật đã có một sự nhìn nhận khách quan hơn về sự bình đẳng của các thành phần sở hữu trong các mối quan hệ xã hội nói chung và quan hệ pháp luật hình sự nói riêng, do đó đã khắc phục được những hạn chế trong việc phân biệt giữa các thành phần sở hữu mà BLHS năm 1985 đã quy định.

Sau nhiều năm thi hành, Bộ luật hình sự năm 1999 đã góp phần quan trọng trong việc giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân. Tuy nhiên, BLHS năm 1999 đã bộc lộ nhiều bất cập, thiếu sót sau 10 năm thi hành, trong đó đáng chú ý là chưa thể chế hóa được quan điểm, chủ trương mới của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08-

NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Trong khi đó, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đã đặt ra cho hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng phải là công cụ pháp lý sắc bén nhằm thúc đẩy và bảo vệ cho sự phát triển của nền kinh tế. Vì vậy, ngày 19/6/2009, tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999 nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như phù hợp với yêu cầu cải cách của đất nước.

Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 vẫn giữ nguyên quy định là 5 khoản, trong đó có 4 khoản định khung và 01 khoản quy định là hình phạt bổ sung và mức hình phạt thấp nhất được quy định tại khoản 1 vẫn là "*phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm"* và mức hình phạt cao nhất được quy định tại khoản 4 Điều này vẫn là *"phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân"*. Điểm khác biệt ở đây là trị giá tài sản bị chiếm đoạt được nâng lên từ *"năm trăm nghìn đồng"* thành *"hai triệu đồng";* điều này cho thấy sự phù hợp của các quy định của pháp luật so với nền phát triển của kinh tế.

1.2.1.3.1. Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định về tình tiết định tội.

Căn cứ theo quy định, so sánh Điều 138 BLHS năm 1999 với Điều 138 BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì thấy về cơ bản các quy định tại Điều 138 vẫn giữ nguyên, kể cả thứ tự các khoản và khung hình phạt. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 đã có sự thay đổi trị giá tài sản tối thiểu bị chiếm đoạt để cấu thành tội trộm cắp tài sản đó là từ *"năm trăm nghìn đồng"* thành *"hai triệu đồng"*. Bởi trong giai đoạn trước năm 2009 khi nền kinh tế vẫn còn đang ở một mức độ nào đó và tài sản trị giá từ năm trăm nghìn trở lên là tương đối lớn, do đó hành vi trộm cắp tài sản trị giá từ năm trăm nghìn đồng đã được coi là hành vi nguy hiểm

cho xã hội và cấu thành tội trộm cắp tài sản, tuy nhiên, đến năm 2009 thì nền kinh tế xã hội đã phát triển đến một mức độ nhất định, đời sống của nhân dân được nâng lên, do đó chiếm đoạt tài sản trị giá từ hai triệu đồng trở lên mới thể hiện được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

1.2.1.3.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về hình phạt và tình tiết định khung tăng nặng.

Theo quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì tội trộm cắp tài sản được chia thành 4 khung hình phạt gồm một khung cơ bản (khoản 1) và ba khung tăng nặng (khoản 2, khoản 3 và khoản 4).

a) Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về hình phạt trong cấu thành tội phạm cơ bản.

Khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 chính là CTTP cơ bản của tội trộm cắp tài sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS thì một hành vi được coi là thỏa mãn cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản khi thỏa mãn điều kiện lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau:

- *Gâu hậu quả nghiêm trọng:* Hậu quả nghiêm trọng này có thể là những thiệt hại về tài sản, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và các thiệt hại phi vật chất. Cụ thể được quy định tại điểm a tiểu mục 3.4 Mục 3 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự năm 1999; theo đó, những thiệt hại này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của chủ tài sản hoặc người quản lý tài sản đó. Cũng có thể sẽ xảy ra thiệt hại cho sức khỏe của người khác trong tội trộm cắp tài sản bởi thông thường người phạm tội thực hiện hành vi tội phạm một cách lén lút nên họ không bao giờ đối mặt với

người chủ sở hữu tài sản, người quản lý tài sản hoặc người khác. Tuy nhiên, khi hành vi trộm cắp tài sản của người phạm tội mà bị phát hiện thì người đó có thể có hành vi chống trả lại người đuổi bắt để tẩu thoát, từ đó gây ra những thương tích hoặc tổn hại nhất định cho người đuổi bắt. Trong một số trường hợp nhất định, người phạm tội còn có hành vi phá hủy hoặc gây thiệt hại đến tài sản khác như trường hợp để lấy trộm tài sản trong nhà thì người phạm tội phải cắt khóa, cậy cửa để vào nhà; để lấy xe máy thì người phạm tội phải dùng vam phá khóa…

- *Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt:* Đó là trường hợp người phạm tội chiếm đoạt tài sản nhưng chưa đủ điều kiện cấu thành một trong những tội chiếm đoạt tài sản được quy định trong BLHS năm 1999. Tại tiểu mục 1.1 mục 1 Phần 1 Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự năm 1999 thì trường hợp *"đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt"* là nếu trước đó đã bị xử lý bằng một trong các hình thức sau đây về hành vi chiếm đoạt nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý mà lại thực hiện một trong các hành vi chiếm đoạt tài sản, đó là: đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Pháp lênh xử lý VPHC (nay là Luật xử lý VPHC); đã bị xử lý kỷ luật theo đúng quy định của Điều lệnh, Điều lệ của lực lượng vũ trang nhân dân; đã bị xử lý kỷ luật theo đúng quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- *Đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm:* Người phạm tội bị coi là *"đã bị kết án về tội chiếm đoạt"* nếu trước đó đã bị kết án về một trong các tội, đó là: Tội cướp tài sản (Điều 133); Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134); Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135); Tội cướp giật tài sản (Điều 136); Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản

(Điều 137); Tội trộm cắp tài sản (Điều 138); Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139); Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140); Tội tham ô tài sản (Điều 278); Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280 BLHS). Như vậy, đối với những người đã bị kết án về một trong các tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà sau đó lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì dù giá trị tài sản chiếm đoạt đó chưa đến hai triệu đồng nhưng họ vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

b) Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về hình phạt và những tình tiết định khung tăng nặng trong các CTTP tăng nặng.

** Về cấu thành tội phạm tăng nặng thứ nhất theo khoản 2 Điều 138.*

Khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 quy định mức hình phạt được áp dụng là tù từ hai năm đến bảy năm, được áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội sau:

- *Có tổ chức:* Cũng tương tự như các trường hợp phạm tội có tổ chức khác, trộm cắp tài sản có tổ chức là trường hợp có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm (khoản 3 Điều 20 BLHS 1999), trong đó có người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức; đó là hình thức đặc biệt của tội phạm đồng phạm, nó mang đầy đủ dấu hiệu của đồng phạm nhưng có tính chất và mức độ nguy hiểm cao hơn đồng phạm thông thường. Tuy nhiên, không phải vụ trộm cắp tài sản có tổ chức nào cũng có đủ những người giữ vai trò như trên mà tùy vào từng trường hợp cụ thể có thể chỉ có người tổ chức và người thực hành mà không có người xúi giục hoặc người giúp sức, nhưng nhất thiết phải có người tổ chức và người thực hành thì mới là phạm tội có tổ chức.

- *Có tính chất chuyên nghiệp:* Theo hướng dẫn tại Mục 5.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS thì phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là: *a) Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một*

tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích; b) Người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính" [29]. Đối với trường hợp phạm tội này thì nhất thiết người thực hành phải thực hiện hành vi nhiều lần (từ 05 lần trở lên) nhưng không phải cứ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần đều là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp mà phải xem xét việc thực hiện hành vi phạm tội của họ đó có thật sự làm nguồn sống hay không. Nếu người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nhưng họ không lấy việc phạm tội làm nghề sinh sống thì không được coi đó là có tính chất chuyên nghiệp mà chỉ là trường hợp phạm tội nhiều lần (quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS). Nếu người phạm tội chỉ trộm cắp tài sản một lần và có lấy việc phạm tội đó làm nghề sinh sống, còn những lần phạm tội khác không phải là trộm cắp tài sản thì cũng không phải là trộm cắp tài sản có tình chất chuyên nghiệp mà chỉ là tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 BLHS.

- *Tái phạm nguy hiểm:* Cũng giống như tất cả những trường hợp tái phạm nguy hiểm ở các loại tội phạm khác, chỉ cần xác định người phạm tội có đầy đủ các dấu hiệu được quy định tại khoản 2 Điều 49 BLHS. Đây là tình tiết không phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như hành vi phạm tội cụ thể của tội phạm này hay tội phạm khác mà là tình tiết định khung tăng nặng thuộc về nhân thân của người phạm tội.

- *Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm:* Thủ đoạn xảo quyệt là những mánh khóe, cách thức gian dối, thâm hiểm mà người phạm tội thực hiện nhằm làm cho người bị hại và những người khác không thể đề phòng. Còn thủ đoạn nguy hiểm là trường hợp người phạm tội đã có những thủ đoạn nhằm gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản.

- *Hành hung để tẩu thoát:* Sau khi người phạm tội đã trộm cắp được tài

sản mà bị đuổi bắt hoặc đã bị bắt nhưng đã có hành vi dùng vũ lực chống lại chủ sở hữu hoặc những người khác nhưng hành vi dùng vũ lực đó chưa gây ra thương tích. Nếu hành vi hành hung mà gây ra thương tích thì tùy thuộc vào tỷ lệ thương tật của người bị hành hung mà người phạm tội còn có thể bị truy cứu TNHS theo khoản tương ứng của Điều 104 BLHS về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Khi xác định trường hợp phạm tội hành hung để tẩu thoát này thì cần phân biệt với người phạm tội hành hung không nhằm mục đích tẩu thoát mà nhằm mục đích giữ bằng được tài sản đã chiếm đoạt được thì khi đó người thực hiện hành vi phạm tội phải bị truy cứu TNHS về tội cướp tài sản chứ không còn là tội trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tăng nặng *"hành hung để tẩu thoát"* nữa.

- *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng:* Là trường hợp người phạm tội trộm cắp tài sản trị giá từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng. Việc xác định trị giá tài sản căn cứ vào giá thị trường thời điểm xảy ra hành vi phạm tội.

- *Gây hậu quả nghiêm trọng:* Đây là trường hợp ngoài những thiệt hại đã được quy định là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì còn có những thiệt hại khác do hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của người phạm tội đã gây ra. Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự năm 1999: Hậu quả phải do hành vi phạm tội gây ra (có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả). Hậu quả đó có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ, tài sản hoặc hậu quả phi vật chất (gây ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội) (tiểu mục 3.1 mục 3 Phần 1

TTLT); ngoài ra tiểu điểm a tiểu mục 3.4 mục 3 Phần 1 Thông tư hướng dẫn về nguyên tắc chung phải đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ các hậu quả để xem xét trong trường hợp nào hành vi phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng và gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Gây hậu quả nghiêm trọng là gây thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người khác được quy định từ các điểm a.1 đến điểm a.6 tiểu mục 3.4 mục 3 phần I thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT.

** Về cấu thành tội phạm tăng nặng thứ hai theo Điều 138 BLHS năm 1999 (khoản 3):* Khoản 3 Điều 138 BLHS năm 1999 quy định mức hình phạt chính là tù từ bảy năm đến mười lăm năm, được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau:

- *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng:* Trường hợp này cũng tương tự như quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138, chỉ khác là tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng. Việc xác định trị giá tài sản căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm xảy ra hành vi phạm tội.

- *Gây hậu quả rất nghiêm trọng:* Trường hợp này cũng giống với trường hợp phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng, chỉ khác ở chỗ là hậu quả rất nghiêm trọng này là do hành vi phạm tội gây ra; khi xác định về hậu quả cần dựa vào các thiệt hại về tài sản, về vật chất và phi vật chất do hành vi phạm tội gây ra. Căn cứ quy định tại điều 138 BLHS và hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 3.4 mục 3 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự năm 1999 thì các trường hợp sau đây được coi là *"hậu quả rất nghiêm trọng"* do hành vi phạm tội gây ra: *b.1) Làm chết hai người; b.2) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của ba đến bốn người với tỷ lệ thương tật của*

mỗi người từ 61 % trở lên; b.3) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của năm đến bảy người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%; b.4) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 101% đến 200%, nếu không thuộc một trong các trường hợp được hướng dẫn tại các điểm b.2 và b.3 trên đây; b.5) Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng; b.6) Gây thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ và tài sản mà hậu quả thuộc hai đến ba điểm từ điểm a.1 đến điểm a.6 tiểu mục 3.4 này [43, tiểu mục 3.4 mục 3 Phần 1].

** Về cấu thành tội phạm tăng nặng thứ ba (khoản 4 Điều 138 BLHS năm 1999):* Khoản 4 Điều 138 BLHS năm 1999 quy định mức hình phạt chính là tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân, được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau:

- *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên:* Cũng tương tự như quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS, chỉ khác là tài sản bị trộm cắp trong trường hợp này có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên. Việc xác định trị giá tài sản căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và phải dựa vào kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng để xác định trị giá tài sản; trừ trường hợp tài sản bị chiếm đoạt đó là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

- *Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng:* Đó là trường hợp quy định hành vi phạm tội đã gây ra ngoài những thiệt hại đã được quy định là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì còn gây ra những thiệt hại khác nữa. Theo hướng dẫn tại điểm c tiểu mục 3.4 mục 3 phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự năm 1999 thì các trường hợp sau đây được coi là

"hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" do hành vi phạm tội gây ra: *c.1) Làm chết ba người trở lên; c.2) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của năm người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên; c.3) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của tám người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31 % đến 60%; c.4) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 201% trở lên, nếu không thuộc một trong các trường hợp được hướng dẫn tại các điểm c.2 và c.3 trên đây; c.5) Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng trở lên; c.6) Gây thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ và tài sản mà hậu quả thuộc bốn điểm trở lên từ điểm a.1 đến điểm a.6 tiểu mục 3.4 này; c.7) Gây thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ và tài sản mà hậu quả thuộc hai điểm trở lên từ điểm b.1 đến điểm b.6 tiểu mục 3.4 này* [43, tiểu mục 3.4 mục 3 Phần 1].

Ngoài các thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ và tài sản của người khác, thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự cho thấy còn có thể có hậu quả khác như ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội... Đây là những thiệt hại phi vật chất, những thiệt hại này đòi hỏi người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng phải căn cứ vào từng vụ án cụ thể, từng hoàn cảnh cụ thể và ở từng địa phương cụ thể mới có thể xác định được chính xác.

b) Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về hình phạt bổ sung.

Ngoài việc phải chịu một trong các hình phạt chính được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 138 BLHS, tùy từng trường hợp cụ thể, người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS, đó là: *phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.*

Phạt tiền là một loại hình phạt nhằm tước đi hoặc hạn chế một số lợi ích vật chất của người phạm tội và bổ sung vào ngân quỹ Nhà nước. Việc quy

định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền trong tội trộm cắp tài sản là rất hợp lý, góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm bởi người phạm tội trộm cắp tài sản là nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác và biến tài sản đó thành tài sản của mình, do đó khi áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền sẽ tác động trực tiếp vào kinh tế của người phạm tội, từ đó có tác dụng răn đe, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội.

1.2.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội trộm cắp tài sản.

Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015). BLHS năm 2015 tiếp tục thể hiện tinh thần chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm, góp phần bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, bảo vệ và thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và đáp ứng công cuộc hội nhập quốc tế.

So với Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có một số thay đổi.

- Tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* vẫn giữ nguyên mức hình phạt bị cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, nhưng đã quy định cụ thể, rõ ràng hơn về các yếu tố định tội trong trường hợp tài sản có giá trị dưới hai triệu đồng. Cụ thể:

Tình tiết định tội "*đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt"* được nêu rõ tại điểm a khoản 1 Điều 173 là *"đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm"*.

Tình tiết "*đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích*

mà còn vi phạm" đã được sửa đổi theo hướng liệt kê cụ thể các điều luật tại điểm b khoản 1 Điều 173 là "*đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm".*

Tình tiết *"gây hậu quả nghiêm trọng"* đã được thay thế bằng quy định cụ thể *"gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội"* tại điểm c khoản 1 Điều 173 BLHS.

Bổ sung thêm các tình tiết *"tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ"* và *"tài sản là di vật, cổ vật"* quy định tại điểm d và đ khoản 1 Điều 173 BLHS.

- Tại khoản 2 Điều 173 vẫn giữ nguyên mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù, đã bỏ tình tiết định khung tăng nặng *"gây hậu quả nghiêm trọng"* và thay bằng tình tiết *"tài sản là bảo vật quốc gia"* quy định tại điểm e khoản 2 Điều 173 BLHS.

- Tại Khoản 3 Điều 173 BLHS 2015 vẫn giữ nguyên mức hình phạt 07 năm đến 15 năm tù đã bỏ tình tiết định khung tăng nặng *"gây hậu quả rất nghiêm trọng"* và thay bằng tình tiết *"lợi dụng thiên tai, dịch bệnh"* quy định tại điểm b khoản 3 Điều 173 BLHS.

- Tại Khoản 4 Điều 173 đã bỏ hình phạt tù chung thân, chỉ quy định mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm. Đồng thời đã bỏ tình tiết định khung tăng nặng *"gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng"* và thay bằng tình tiết *"lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp"* quy định tại điểm b khoản 4 Điều 173 BLHS.

- Khoản 5 Điều 173 vẫn giữ nguyên quy định về hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.

Như vậy, các tình tiết định tội, định khung *"gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng"* đã được thay thế bằng những quy định cụ thể, tránh việc áp dụng tùy

tiện, không thống nhất.

1.3. Phân biệt tội trộm cắp tài sản với một số tội chiếm đoạt tài sản khác

1.3.1. Tội trộm cắp tài sản phân biệt với tội cướp giật tài sản.

Tội cướp giật tài sản là hành vi mà người phạm tội thực hiện một cách công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người khác và nhanh chóng tẩu thoát.

Về khách thể: Khách thể của tội cướp giật tài sản bao gồm các quan hệ sở hữu tài sản và quan hệ nhân thân, còn khách thể của tội trộm cắp tài sản là những quan hệ sở hữu.

Mặt khách quan: Hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi giấu giếm, không công khai chiếm đoạt tài sản của người khác, còn ở tội cướp giật tài sản là hành vi được thực hiện một cách công khai, trước sự chứng kiến của người chủ tài sản, hành vi được thực hiện nhanh chóng (bao gồm chiếm lấy bằng được tài sản và nhanh chóng tẩu thoát). Dấu hiệu nhanh chóng, công khai là dấu hiệu đặc trưng trong tội cướp giật tài sản: nhanh chóng thể hiện ở việc người phạm tội lợi dụng việc chủ tài sản sơ hở để nhanh chóng tiếp cận họ để chiếm đoạt rồi nhanh chóng trốn tránh, với thủ đoạn nhanh chóng chiếm đoạt tài sản thì người phạm tội chủ động được hành vi của mình và không để người chủ tài sản có điều kiện để ngăn cản việc chiếm đoạt tài sản nên người phạm tội không sẽ dùng bất kỳ thủ đoạn nào để đối phó với chủ tài sản; công khai thể hiện ở hành vi người phạm tội thực hiện trước sự chứng kiến của chủ tài sản mà khi hành vi cướp giật tài sản xảy ra thì người chủ tài sản biết được tài sản của mình bị người khác chiếm đoạt. Hơn nữa, trong tội trộm cắp tài sản thì thiệt hại về tài sản được quy định là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP và mức trị giá tối thiểu để làm cơ sở truy cứu TNHS được điều luật quy định; còn ở tội cướp giật tài sản bởi tính chất nguy hiểm cao của tội phạm này nên dấu hiệu hậu quả không được phản ánh trong CTTP mà điều luật cũng không quy định mức tối thiểu trị giá tài sản bị chiếm đoạt mà người phạm tội chỉ cần

có hành vi cướp giật là phạm tội, không cần biết tài sản có giá trị như thế nào.

1.3.2. Phân biệt tội trộm cắp tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Tội công nhiên CĐTS được quy định tại Điều 172 BLHS năm 2015. Theo đó, công nhiên CĐTS là hành vi mà người phạm tội thực hiện một cách công khai, lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người khác trong việc quản lý tài sản hoặc lợi dụng tình trạng họ không có điều kiện bảo vệ tài sản nhằm CĐTS của người đó mà không phải dùng bất kỳ thủ đoạn nào khác nhằm uy hiếp tinh thần người bị hại.

Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản và tội trộm cắp tài sản có nhiều điểm giống nhau đó là: Do chủ thể bình thường có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; đều xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản và mục đích của người phạm tội là CĐTS. Cả hai tội phạm này đều có cấu thành vật chất, thiệt hại về tài sản được biểu hiện dưới dạng tài sản bị chiếm đoạt là dấu hiệu hậu quả nguy hiểm được phản ánh trong CTTP; điều luật quy định trị giá tài sản bị chiếm đoạt ở mức tối thiểu làm cơ sở truy cứu TNHS và khung hình phạt cao nhất đối với hai tội ấy đều là tù đến 20 năm.

Điểm khác nhau giữa hai tội này là: Hành vi khách quan của tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là hành vi mà người phạm tội thực hiện một cách công khai, ngang nhiên CĐTS của người khác ngay trước sự chứng kiến của chủ tài sản, còn hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi dấu giếm, che giấu để CĐTS của người khác. Về nhận thức chủ quan, ở tội công nhiên CĐTS thì khi bị chiếm đoạt tài sản người chủ tài sản vẫn nhận biết được là tài sản của mình bị người khác chiếm đoạt nhưng người phạm tội lợi dụng việc họ không có điều kiện bảo vệ tài sản của mình để CĐTS mà không cần dùng đến bất kỳ thủ đoạn nào để đối phó với chủ tài sản; còn ở tội trộm cắp tài sản thì người phạm tội dấu giếm hành vi của mình để chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua việc không cho chủ tài sản biết hành vi phạm

tội xảy ra, trước khi xảy ra hành vi phạm tội thì tài sản vẫn đang nằm trong sự kiểm soát của chủ tài sản nhưng khi hành vi phạm tội xảy ra thì chủ tài sản không hề hay biết tài sản của mình bị người khác chiếm đoạt, chỉ sau khi bị mất tài sản thì chủ tài sản mới biết.

1.3.3. Tội trộm cắp tài sản phân biệt với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 175 BLHS năm 2015, theo đó, lạm dụng tín nhiệm CĐTS được hiểu là vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả; hoặc vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản [12, Điều 175].

Giống như tội trộm cắp tài sản nói riêng và các tội xâm phạm sở hữu nói chung, chủ thể của tội lạm dụng tín nhiệm CĐTS là chủ thể bình thường có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Khách thể của tội lạm dụng tín nhiệm CĐTS và tội trộm cắp tài sản đều là xâm phạm đến quan hệ sở hữu. Mục đích của cả hai tội này mà đối tượng hướng đến là CĐTS. Khung hình phạt thấp nhất của cả hai tội là cải tạo không giam giữ đến 3 năm và khung hình phạt cao nhất là 20 năm tù.

Điểm khác nhau giữa hai tội này là trong quy định mức tối thiểu trị giá tài sản bị chiếm đoạt: Đối với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì giá trị tài sản tối thiểu bị chiếm đoạt là 4.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng có thêm tình tiết định tội; còn đối với tội trộm cắp tài sản thì là 2.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng có thêm tình tiết định tội.

Về mặt khách quan của tội phạm, đối với tội trộm cắp tài sản thì người thực hiện hành vi phạm tội một cách lén lút để chiếm đoạt tài sản; còn đối với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì người phạm tội sau khi có được tài sản một cách hợp pháp thông qua hợp đồng vay, mượn, thuê tài sản hoặc hợp đồng khác thì người phạm tội không thực hiện cam kết trong hợp đồng, sử dụng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để CĐTS, hậu quả là người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản, hoặc bỏ trốn, hoặc không còn khả năng trả lại tài sản.

Tiểu kết chương 1

Trước tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu ngày một gia tăng, trong đó có tội trộm cắp tài sản đang có tính phổ biến cao và xu hướng ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân.

Để có cái nhìn rõ hơn đối với tội trộm cắp tài sản, trong phạm vi chương 1 của luận văn, tác giả đã đưa ra những vấn đề lý luận và pháp luật về tội trộm cắp tài sản như khái niệm, các dấu hiệu pháp lý, các quy định của pháp luật Việt Nam về tội trộm cắp tài sản. Bên cạnh đó, tác giả đi vào phân tích về lịch sử phát triển các quy định của pháp luật liên quan đến tội phạm trộm cắp tài sản. Quá đó ta thấy được có sự phát triển trong nhận thức, trong tư duy của các nhà làm luật, của khoa học pháp lý nói chung và sự phát triển của các quy phạm pháp luật về tội trộm cắp tài sản ở nước ta nói riêng. Đó là, từ chỗ có sự phân biệt về mức độ bảo vệ của PLHS đối với các loại hình sở hữu thì đến nay PLHS đã có sự bình đẳng trong việc bảo vệ đối với mọi loại hìn sở hữu.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản.

2.1.1. Một số kết quả đạt được trong việc định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản.

Định tội danh là một quá trình nhận thức lý luận có tính lôgic, được thể hiện dưới hai khía cạnh, đó là xác định xem các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện có phù hợp với các dấu hiệu của CTTP cụ thể trong BLHS quy định hay không; trên cơ sở đó đưa ra sự đánh giá nhất định về mặt pháp lý hình sự đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra trong thực tiễn. Người áp dụng luật hình sự phải căn cứ vào CTTP từ những quy định cụ thể trong BLHS để định tội cho một hành vi cụ thể. Khi các tình tiết của một hành vi phạm tội cụ thể mà phù hợp với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS thì hành vi đó được xác định theo tội danh của cấu thành tội phạm đó.

Định tội danh còn có thể được hiểu là một hình thức hoạt động thực tiễn pháp lý của các cơ quan tiến hành tố tụng để cụ thể hóa các quy phạm PLHS vào thực tế, nghĩa là lựa chọn đúng các quy phạm PLHS để áp dụng đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể nào đó được thự hiện trong thực tế để từ đó đưa ra kết luận hành vi đó có đầy đủ các dấu hiệu của tội phạm tương ứng.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự thì định tội danh là một vấn đề hết sức quan trọng, được thực hiện ở tất cả các giai đoạn của quá trình tiến hành tố tụng, là tiền đề cho việc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt một cách chính xác. Việc định tội danh thiếu chính xác sẽ dẫn đến hậu quả rất lớn, đặc biệt là kết án sai, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án, không

đảm bảo được tính công minh có căn cứ đúng pháp luật, truy cứu trách nhiệm hình sự oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, xử nhẹ hoặc nặng hơn so với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; việc xử lý hình sự thiếu chính xác như vậy sẽ xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, làm giảm uy tín của các cơ quan tư pháp, gây ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Ngược lại, định tội danh đúng có ý nghĩa vô cùng quan trọng và quyết định trong vụ án hình sự, loại trừ được việc khởi tố, điều tra, truy tố và kết án oan sai, không có căn cứ đối với những người có hành vi không nguy hiểm cho xã hội, từ đó đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không trái pháp luật hình sự và tạo tiền đề pháp lý cho việc quyết định hình phạt công bằng đối với những người phạm tội; là cơ sở để áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự, góp phần nâng cao uy tín, chất lượng hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như hỗ trợ cho việc củng cố và tăng cường pháp chế XHCN, từ đó góp phần đắc lực vào việc nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, của công dân.

Do vậy, để định đúng tội danh đối với người trộm cắp tài sản thì người tiến hành tố tụng cần nghiên cứu kỹ nội dung những quy định của BLHS và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng pháp luật liên quan đến các quy định về các tội xâm phạm sở hữu nói chung, tội trộm cắp tài sản nói riêng, trên cơ sở đó đánh giá, phân tích, tổng hợp và áp dụng các quy định của pháp luật một cách chính xác đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội được quy định tại khoản nào của điều luật, từ đó cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng sẽ quyết định một hình phạt cụ thể phù hợp với người thực hiện hành vi phạm tội đó.

Trong những năm qua, tuy điều kiện công tác còn nhiều khó khăn nhưng toàn thể các cán bộ của các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Sóc Sơn

vẫn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bằng sự cố gắng, nỗ lực của các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Sóc Sơn, công tác xử lý các vụ án đã đạt hiệu quả cao, đã đưa ra xử lý kịp thời và nghiêm minh các vụ án và người phạm tội, không để án quá hạn hay án oan sai, tạo được niềm tin của quần chúng nhân dân vào các cơ quan tiến hành tố tụng và sự nghiêm minh của pháp luật.

Dưới sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện Sóc Sơn luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đối với việc xử lý các vụ án hình sự nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng. Không có vụ án trộm cắp tài sản nào bị hủy, cải sửa do định tội danh không chính xác. Các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Sóc Sơn đã làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến quần chúng nhân dân nhằm nâng cao ý thức pháp luật của người dân, phòng ngừa những nguyên nhân làm phát sinh loại tội phạm này trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn trong 5 năm (từ năm 2013 đến năm 2017) cho thấy tình hình tội trộm cắp tài sản luôn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các vụ phạm tội liên quan đến xâm phạm sở hữu. Tội phạm trộm cắp tài sản diễn ra ở mọi nơi, mọi lúc, không những gây thiệt hại về tài sản mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Được thể hiện qua các bảng số liệu sau:

Bảng 2.1. Cơ cấu các vụ tội phạm đã được đưa ra xét xử giai đoạn 2013 - 2017

STT	Nhóm tội	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
1	Xâm phạm SH	94	161	91	184	102	162	89	105	64	91
2	Tính mạng, SK	38	67	43	84	42	66	30	32	27	30
3	Trật tự xã hội	55	283	51	278	47	236	42	249	51	211

4	Ma túy	40	50	35	45	30	44	49	62	40	55
5	Khác	0	0	1	1	0	0	0	0	1	3
Tổng cộng		227	561	221	592	221	508	210	448	183	390

(Nguồn: Thống kê Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn)

Bảng 2.2. Cơ cấu các vụ án trộm cắp tài sản đã được đưa ra xét xử giai đoạn 2013 - 2017

STT	Tổng số vụ/tổng số bị cáo phạm tội nói chung (1)	Số vụ/ số bị cáo phạm tội xâm phạm sở hữu (2)	Số vụ/ số bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản (3)	Tỷ lệ (%)		
				(2)/(1)	(3)/(1)	Số bị cáo/số vụ phạm tội trộm cắp tài sản
2013	227/561	94/161	42/59	41,4/28,7	18,5/10,5	1,40
2014	221/592	91/184	44/74	41,2/31,1	19,9/12,5	1,68
2015	221/509	102/162	49/80	46,2/31,8	22,2/15,7	1,63
2016	210/448	89/105	40/55	42,4/23,4	19/12,3	1,37
2017	183/390	64/91	40/51	35/23,3	21,8/13,1	1,27
Tổng	1062/2500	440/703	215/319	41,4/28,1	20,2/12,76	1,48

(Nguồn: Thống kê Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn)

Thông qua các bảng khảo sát số liệu trên cho thấy, từ năm 2013 đến năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã xét xử tổng cộng 1.062 vụ án hình sự với 2500 bị cáo, trong đó:

- Nhóm tội xâm phạm sở hữu chiếm tỷ lệ lớn trong các nhóm tội, cụ thể là 440 vụ và 703 bị cáo, tương ứng tỷ lệ 41,4% về vụ và 28,1% về số bị cáo trên tổng số vụ và bị cáo phạm tội nói chung.

- Số vụ phạm tội trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ lớn nhất trong cơ cấu nhóm tội xâm phạm sở hữu, cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã đưa ra xét xử 215 vụ với 319 bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, chiếm tỷ lệ 20,2% số vụ và 12,76% số bị cáo trên tổng số bị cáo phạm tội nói chung; và chiếm tỷ

lệ 48,8% số vụ và 45,3% số bị cáo trên tổng số tội xâm phạm sở hữu.

Cũng từ bảng số liệu trên cho thấy, tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn trong 5 năm qua vẫn duy trì ở mức cao, mặc dù có chiều hướng giảm cả về số vụ lẫn bị cáo nhưng giảm không đáng kể, trung bình mỗi năm khoảng 43 vụ với 63,8 bị cáo, chiếm tỷ lệ 1,48 người/vụ. Điều đó cho thấy, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn còn nhiều khó khăn.

2.1.2. Những hạn chế, vướng mắc trong việc định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản.

Trong thực tiễn, không phải trường hợp nào định tội danh cũng dễ dàng và chính xác; có nhiều vụ án việc định tội danh còn nhiều tranh cãi, còn nhiều quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Chính vì vậy, thực tiễn định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Điều luật quy định giá trị tài sản bị chiếm đoạt tối thiểu là hai triệu đồng trở lên, theo đó người có hành vi trộm cắp tài sản giá trị từ hai triệu đồng trở lên sẽ bị truy cứu TNHS. Tuy nhiên, việc định giá tài sản vẫn còn là vấn đề gây nhiều tranh cãi để xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong một số trường hợp, việc xác định giá trị tài sản không đơn giản, nhất là trong trường hợp tài sản đã qua sử dụng, việc xác định khấu hao tài sản cũng chỉ là xác định giá trị tương đối như so sánh, đối chiếu, ước lượng, đồng thời tham khảo ý kiến của những người am hiểu về các loại tài sản đó chứ chưa có chứng cứ chứng minh định lượng giá trị tài sản cụ thể. Hoặc là trường hợp tài sản bị trộm cắp đã bị người phạm tội tẩu tán, không truy tìm được thì việc định giá tài sản chỉ dựa vào lời khai của người bị mất tài sản để xác định loại tài sản, giá trị thực tế; Hội đồng định giá căn cứ vào đó để định giá thì rất dễ xảy ra trường hợp chủ quan trong định giá, dẫn đến định giá không chính xác.

Trong trường hợp một người cùng thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp tài sản nhưng mỗi lần trộm cắp tài sản trị giá dưới mức tối thiểu để truy cứu

trách nhiệm hình sự và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu TNHS (gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử phạt hành chính, đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích…), đồng thời trong các lần trộm cắp tài sản đó chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào và chưa hết thời hiệu xử phạt hành chính, nếu tổng giá trị tài sản các lần bị xâm hại bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu TNHS. Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2001 ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ tư pháp thì người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần như vậy phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản tương ứng theo tổng giá trị tài sản các lần bị xâm phạm, nếu các hành vi trộm cắp tài sản được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian; việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tính chất chuyên nghiệp, lấy tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính; với mục đích trộm cắp tài sản nhưng do điều kiện, hoàn cảnh khách quan nên việc trộm cắp tài sản được thực hiện nhiều lần và giá trị tài sản bị xâm phạm mỗi lần dưới hai triệu đồng [43,tiểu mục 5 mục II]. Tuy nhiên, hướng dẫn này không quy định khoảng thời gian như thế nào, do vậy dẫn đến sự không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc áp dụng pháp luật.

2.1.3. Thực tiễn định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn.

Là một huyện ngoại thành của Thủ đô Hà Nội, những năm qua huyện Sóc Sơn đã có sự chuyển biến mạnh mẽ và toàn diện trên tất cả mọi mặt của đời sống xã hội. Từ một huyện nghèo có thu nhập bình quân thấp, đến nay đã vươn lên thoát nghèo và đang trên đà phát triển. Thu nhập bình quân đầu người tăng lên, thu nộp cho ngân sách Nhà nước hàng năm tăng lên. Dân số của huyện Sóc Sơn cũng tăng lên do lao động ở các địa phương lân cận đổ về cư trú để làm ăn ngày càng đông; mặt khác, là địa phương có sân bay quốc tế Nội Bài, lượng người qua lại nhiều làm cho việc quản lý của chính quyền địa phương gặp không ít khó khăn, đây là điều kiện để các loại tội phạm nói

chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng luôn duy trì ở mức cao và diễn biến phức tạp.

Qua nghiên cứu tình hình xét xử tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng trên địa bàn huyện Sóc Sơn từ năm 2013 đến năm 2017, tác giả thống kê các số liệu như sau:

Bảng 2.3. Cơ cấu tội trộm cắp tài sản trong nhóm tội xâm phạm sở hữu giai đoạn 2013 - 2017

STT	Tội XPSH	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
1	Trộm cắp tài sản	42	59	44	74	49	80	40	55	40	51
2	Công nhiên CĐTS	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lừa đảo CĐTS	11	14	11	14	17	21	7	8	5	7
4	Lạm dụng tín nhiệm CĐTS	6	7	4	4	11	12	4	4	4	4
5	Các tội khác	35	81	32	92	25	49	38	38	15	29
Cộng		94	161	91	184	102	162	89	105	64	91

(Nguồn: Thống kê Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn)

Từ số liệu thống kê trên cho thấy tội trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ lớn trong các vụ án hình sự nói chung và các vụ án xâm phạm sở hữu tài sản nói riêng tại huyện Sóc Sơn và luôn duy trì ở mức cao so với các loại tội khác như cướp tài sản, cướp giật tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản… Trong các vụ án xâm phạm sở hữu thì tội trộm cắp tài sản chiếm hơn 60% so với các loại

tội xâm phạm sở hữu khác. Đây là một thách thức không nhỏ đối với các cơ quan chức năng của huyện Sóc Sơn bởi vì tội trộm cắp tài sản ngày càng gia tăng, đa dạng về hành vi, thủ đoạn ngày càng tinh vi khó lường, đặc biệt tính chất côn đồ, manh động, coi thường pháp luật của tội phạm ngày càng liều lĩnh hơn.

2.1.3.1. Định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản theo khách thể của tội phạm.

Định tội danh tội trộm cắp tài sản theo khách thể của tội phạm là xác định dấu hiệu đặc trưng bắt buộc thuộc khách thể của tội phạm được quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015, các dấu hiệu đặc trưng đó phản ánh bản chất của tội phạm và cho phép chúng ta phân biệt tội phạm này với các loại tội phạm khác. Khách thể của tội trộm cắp tài sản là những quan hệ sở hữu được pháp luật bảo vệ bị người phạm tội xâm hại một cách trái pháp luật, gây thiệt hại cho chủ sở hữu tài sản hoặc người quản lý tài sản về vật chất.

Theo mô tả của điều luật thì đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản có thể khẳng định là tài sản. Tuy nhiên, PLHS hiện hành lại không quy định đối tượng tác động của các tội trong BLHS nói chung, tội trộm cắp tài sản nói riêng là tài sản, cho nên phải vận dụng những quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 về nội dung tài sản là gì. Theo khoản 1 Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản".

Thực tiễn định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản theo khách thể của tội phạm trên địa bàn huyện Sóc Sơn liên quan đến đối tượng tác động của tội phạm mà cụ thể là tài sản thuộc sở hữu của người khác bị người phạm tội trộm cắp tài sản xâm phạm. Theo khoa học về PLHS thì khách thể của tội phạm là các quan hệ xã hội được PLHS bảo vệ và bị tội phạm xâm hại. Đối với tội trộm cắp tài sản, theo đa số ý kiến của các nhà nghiên cứu, các nhà hoạt động thực tiễn thì khách thể của tội trộm cắp tài sản là quan hệ sở hữu. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn có một số ý kiến cho rằng khách thể của tội

trộm cắp tài sản còn là trật tự an toàn xã hội hoặc là quan hệ về trật tự trị an, an toàn xã hội, trật tự pháp luật khi tài sản bị mất là tài sản do phạm tội mà có (như tài sản có được do lừa đảo, tham ô, cưỡng đoạt…) hoặc tài sản có được do chiếm hữu bất hợp pháp (như tài sản có được do dùng thủ đoạn gian dối, cố ý mua lại tài sản của người phạm tội khác…).

2.1.3.2. Định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản theo mặt khách quan của tội phạm.

Mặt khách quan của tội phạm có tầm quan trọng rất lớn trong việc định tội danh và xây dựng cấu thành tội phạm. Hoạt động của việc định tội danh thường được bắt đầu từ việc xác định, đánh giá các dấu hiệu trong mặt khách quan. Mặt khách quan của tội phạm là những dấu hiệu được biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan mà người định tội danh rất dễ nhận thấy, các dấu hiệu khách quan thường được mô tả rất tỉ mỉ trong cấu thành tội phạm; thông qua việc xác định các dấu hiệu trong mặt khách quan, người định tội danh xác định được các dấu hiệu khác trong mặt chủ quan của tội phạm như mục đích, động cơ.

Mỗi dấu hiệu trong mặt khách quan của tội phạm có ý nghĩa khác nhau đối với định tội danh, nhưng việc đánh giá, xác định hành vi khách quan trong tội trộm cắp tài sản là rất quan trọng, bởi vì hành vi khách quan trong tội trộm cắp tài sản chính là xử sự của người thực hiện hành vi tội phạm ra bên ngoài thế giới khách quan. Đối với tội trộm cắp tài sản, người phạm tội đã thực hiện việc dấu giếm, che đậy hành vi bị PLHS cấm và nó thỏa mãn hai dấu hiệu đó là xử sự có ý thức và có ý chí đối với hành vi và xử sự có ý thức và có ý chí đối với hậu quả.

Ví dụ: Theo Cáo trạng số 100/CT-VKS ngày 17/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn: Với mục đích đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu sài, khoảng 15h ngày 23/10/2016, Phan Duy Chiến - sinh năm 1994, trú tại thôn Đĩnh Tú - xã Cấn Hữu - huyện Quốc Oai - thành phố Hà Nội rủ Hoàng

Trần Dũng - sinh năm 1996 (ở cung thôn với Chiến) đi trộm cắp tài sản, Dũng đồng ý. Cả hai đi xe bus lên khu vực chợ gần công ty Sam Sung thuộc huyện Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên. Tại đây, Chiến và Dũng đã trộm cắp được 01 chiếc xe máy của anh Nguyễn Quốc Đại - sinh năm 1985 (trú tại thôn Thành Lập - xã Tân Thành - huyện Trường Xuân - tỉnh Thanh Hóa). Sau khi trộm cắp được chiếc xe máy của anh Đại, Dũng điều khiển xe vừa trộm cắp được chở Chiến đi theo đường quốc lộ 3 về Hà Nội. Khoảng 01h ngày 24/10/2016 khi cả hai đi đến thôn Dược Hạ - xã Tiên Dược - huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội thì phát hiện quán bán điện thoại của anh Nguyễn Văn Bình - sinh năm 1984 (trú tại xóm Trại - thôn Dược Hạ - xã Tiên Dược - huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội) không có người trông coi; Chiến bảo Dũng dừng xe và ở ngoài cảnh giới, còn Chiến đi vào cậy cửa quán rồi chui vào trong quán lấy một số tài sản gồm 05 điện thoại di động Nokia 105, 02 điện thoại di động Nokia 215, 01 điện thoại di động Nokia 230 và một số thẻ cào điện thoại. Chiến cho tất cả số tài sản lấy được vào 01 chiếc túi nilon màu đen và đi ra bảo Dũng chở về. Khi về đến nhà, Chiến chia cho Dũng 04 chiếc điện thoại Nokia, Dũng bán cho người không quen biết 03 chiếc điện thoại được 500.000 đồng, còn 01 chiếc điện thoại di động Nokia 215 màu đen Dũng đổi cho anh Tạ Văn Thuyết - người cùng thôn và lấy 01 điện thoại Iphone 6 do Trung Quốc sản xuất.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Sóc Sơn kết luận số tài sản mà Dũng và Chiến trộm cắp của anh Bình trị giá 6.575.000 đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố đối với Phan Duy Chiến và Hoàng Trần Dũng về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

Ngày 11/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã đưa ra xét xử đối với Phan Duy Chiến và Hoàng Trần Dũng. Bản án số 101/2017/HSST ngày

11/8/2017 đã tuyên áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS phạt Phan Duy Chiến 15 tháng tù và Hoàng Trần Dũng 14 tháng tù.

Qua nội dung của vụ án nêu trên có thể nhận thấy việc các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Sóc Sơn đã căn cứ đầy đủ các yếu tố CTTP như hành vi, thủ đoạn, hậu quả, mối quan hệ nhân quả để làm cơ sở cho việc định tội danh đối với hành vi phạm tội của bị cáo theo mặt khách quan của tội phạm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, thực tiễn xét xử trên địa bàn huyện Sóc Sơn cho thấy việc xác định đối tượng bị người phạm tội che dấu hành vi chiếm đoạt không hề đơn giản, ngược lại còn rất phức tạp. Thông thường, việc công khai hành vi chiếm đoạt đối với những người khác thể hiện qua hai hình thức sau:

Thứ nhất, công khai sự vi phạm pháp luật của hành vi: Đó là trường hợp người phạm tội chỉ thực hiện hành vi che giấu hành vi chiếm đoạt đối với chủ tài sản, còn những người khác thì người phạm tội không che giấu hành vi phạm tội của mình. Ví dụ như người thực hiện hành vi phạm tội lợi dụng chỗ đông người để chen lấn, xô đẩy rồi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Thứ hai, công khai thực hiện hành vi nhưng bản chất là chiếm đoạt của hành vi đã được che đậy: Đó là trường hợp người phạm tội đã sử dụng các thủ đoạn khác nhau để che giấu hành vi phạm tội nhưng việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của họ lại công khai như giả xin làm thuê, giả vờ xin ngủ nhờ để có điều kiện tiếp cận tài sản rồi thực hiện hành vi chiếm đoạt hoặc giả làm nhân viên của các đơn vị như điện lực, bưu điện đi sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng tài sản được đặt ở những nơi công cộng rồi chiếm đoạt tài sản đó.

Ví dụ: Với mục đích trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu sài, Trần Đăng Khoa - sinh năm 1990, thường trú tại thôn Phú Tàng - xã Bắc Phú - huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội trà trộn vào các đám cưới giả làm khách mời, bạn bè của cô dâu, chú dể để trộm cắp phong bì mừng đám cưới.

Khoảng 10 giờ ngày 01/11/2016, Trần Đăng Khoa đeo cặp xách giả da

màu nâu rồi đi xe máy Honda Click màu đen, BKS 16M2 - 7738 từ nhà đi với mục đích và thủ đoạn là tìm vào các đám cưới rồi giả làm người quen hoặc khách đến dự đám cưới để trộm cắp tài sản là phong bì mừng đám cưới. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Khoa đi đến khu vực Song Mai Đoài - xã Mai Đình - huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội thì nghe thấy tiếng nhạc đám cưới. Khoa hỏi một người dân ven đường thì biết đó là đám cưới nhà ông Trần Văn Đồng tổ chức cho con trai là Trần Văn Chí. Khoa đến cổng nhà anh Chí; Khoa hỏi một người dân ở đó xem mấy giờ đi đón dâu thì được người này cho biết phải hơn 13 giờ mới đi đón dâu. Sau đó Khoa đi xe máy đi uống nước để chờ thời cơ. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Khoa quay lại đám cưới nhà anh Chí thì thấy chú rể đi đón dâu chưa về. Khoa để xe ở đầu ngõ rồi đi bộ vào nhà anh Chí. Khoa đi thẳng vào buồng trang trí tân hôn thì gặp chị Trần Thị Nhung (chị của anh Chí) đang dọn dẹp phòng. Khoa nói chuyện xã giao với chị Nhung và bảo là bạn của anh Chí đến dự đám cưới. Mấy phút sau chị Nhung đi ra ngoài, còn lại mình Khoa ở trong phòng. Khoa quan sát thấy chiếc tủ gỗ mới mua để quần áo ở trong phòng và có một cánh tủ được khóa. Khoa dùng tay cầm giật bung khóa tủ ra thấy bên trong có một túi nilon màu trắng đựng phong bì và có một chiếc ví màu gụ của chị Nhung để cùng số phong bì mừng đám cưới. Khoa cầm cả chiếc túi nilon nhét vào trong cặp xách đã đem theo rồi đi ra ngoài lấy xe máy đi về. Khoa đi ra cánh đồng gần đó, thấy vắng người thì dừng lại rồi bỏ túi nilon đựng phong bì ra kiểm tra. Khoa thấy trong ví có gần 3.000.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân. Khoa tiếp tục bóc hết số phong bì rồi gom tiền lại đếm được khoảng 53 triệu đồng. Sau đó, Khoa cầm hết số tiền tổng cộng được khoảng 56 triệu đồng rồi đút vào trong cặp xách, còn vỏ phong bì và chiếc ví để lại vào trong túi nilon; Khoa đi xe máy ra bãi rác thôn Thụy Hương - xã Phú Cường - huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội vứt túi nilon vào xe rác.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án còn xác định được cùng với mục đích

và thủ đoạn trên, Trần Đăng Khoa còn thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện Sóc Sơn trong khoảng thời gian từ 19/9/2016 đến 04/12/2016 với tổng số tiền Khoa chiếm đoạt được là 216.140.000 đồng. Ngoài ra, trong 02 ngày 08/10/2016 và 09/11/2016 Khoa còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại 02 đám cưới trên địa bàn huyện Đông Anh với tổng số tiền là 89.000.000 đồng và 07 chỉ vàng. Số tiền Khoa trộm cắp được sau đó dùng vào việc chi tiêu cá nhân và trả tiền mua xe ô tô vào ngày 04/11/2016.

Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 31/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội truy tố Trần Đăng Khoa về tội trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2017/HSST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn tuyên bố Trần Đăng Khoa phạm tội trộm cắp tài sản và ruyên phạt 7 năm 6 tháng tù.

Bên cạnh đó, còn có trường hợp người được giao nhiệm vụ trông coi tài sản hoặc làm thuê rồi lợi dụng tình hình rồi chiếm đoạt tài sản.

Ví dụ: Nguyễn Văn Tiến - sinh năm 1991 trú tại thôn Cán Khê - xã Nguyên Khê - huyện Đông Anh - thành phố Hà Nội, có làm đại lý phân phối kem cho các đại lý khác thuộc khu vực huyện Đông Anh và huyện Sóc Sơn, Tiến thường xuyên giao hàng cho đại lý Thanh Long do anh Chu Đức Trung - sinh năm 1993 ở số nhà 123 thôn Miếu Thờ - xã Tiên Dược - huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội làm chủ. Trong quá trình kinh doanh, anh Trung có thuê Tạ Văn Đông - sinh năm 1993, trú tại thôn Thích Chung - xã Bá Hiến - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc làm nhân viên kiểm hàng và nhận hàng của các đại lý khác giao đến. Chiều ngày 01/7/2017, Tiến gọi điện cho anh Trung thông báo sẽ đến giao hàng, anh Trung đồng ý nhưng có việc bận không ở nhà nên giao lại việc nhận hàng cho Đông và dặn bố vợ là ông Nguyễn Ngọc Long giám sát. Sau đó, Đông gọi điện cho Tiến nói là nhà anh Trung không có ai ở nhà, bảo Tiến đem hàng đến và bàn với Tiến sẽ lấy kem của nhà anh

Trung đem đi bán lấy tiền chia nhau. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Tiến đem hàng đến giao cho Đông, sau khi đã chuyển hết số hàng vừa nhận từ Tiến vào kho đông lạnh, Đông và Tiến đã vào kho lạnh chuyeern 30 thùng kem ốc quế Celeno vani và Socola, 06 thùng kem Merino X đậu xanh và đậu đỏ, 06 thùng kem hương Vani và Socola super teen ra xe lôi tự chế của Tiến rồi Tiến mang về cất ở kho lạnh nhà mình để phân phối cho các đại lý.

Theo kết luận định giá thì số tài sản mà Tiến và Đông chiếm đoạt của gia đình nhà anh Chu Đức Trung trị giá 11.100.000 đồng. Cáo trạng số 171/CT-VKS ngày 01/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố Tạ Văn Đông và Nguyễn Văn Tiến về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

Bản án số 151/2017/HSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn quyết định: tuyên bố bị cáo Tạ Văn Đông và Nguyễn Văn Tiến phạm tội trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b,p khoản 1 Điều 46 BLHS (thêm điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS cho bị cáo Đông); Điều 42 BLHS; Điều 76, 99, 231, 234 BLHS, Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử phạt Tạ Văn Đông 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng và tuyên phạt Nguyễn Văn Tiến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng.

Thông qua vụ án trên cho thấy, mặc dù người thực hiện hành vi phạm tội không có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước, nhưng đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý, cất giữ tài sản của chủ tài sản mà chiếm đoạt tài sản. Điều này cho thấy công tác tự bảo vệ tài sản của một bộ phận vẫn còn lơ là, mất cảnh giác.

2.1.3.3. Định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản theo chủ thể của tội phạm.

Bất kỳ ai có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo luật

định đều có thể trở thành chủ thể của tội trộm cắp tài sản.

BLHS không quy định chủ thể đặc biệt là chủ thể của tội trộm cắp tài sản. Nhưng cần lưu ý trong trường hợp người thực hiện việc dấu giếm, che đậy hành vi của mình để CĐTS nhưng lại là người có dấu hiệu đặc biệt được quy định trong Điều 353 BLHS năm 2015 và lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý thì người đó không phạm tội trộm cắp tài sản mà phạm tội tham ô tài sản.

Qua nghiên cứu các vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn cho thấy: đối tượng phạm tội trộm cắp tài sản theo Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là người dân địa phương chiếm khoảng 64%, đối tượng là người địa phương khác chiếm khoảng 36%, phần lớn các đối tượng đều có độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi. Các đối tượng thường lợi dụng vào ban đêm khi mọi người đã đi ngủ hoặc ban ngày khi những người trong gia đình đi vắng hết thì cậy cửa phá khóa vào nhà thực hiện hành vi phạm tội hoặc lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản hoặc người quản lý tài sản rồi thực hiện hành vi trộm cắp. Có những vụ án, các đối tượng tạo thành một ổ nhóm và chuyên đi trộm cắp tại các cơ quan, trường học, bệnh viện; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Ví dụ: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/5/2014 đến ngày 05/10/2014, Nguyễn Thanh Tú - sinh năm 1994, Nguyễn Văn Trường - sinh ngày 05/9/1995, Trịnh Văn Tuấn - sinh năm 1992 đều ở thôn Thu Lỗ - xã Trung Thành - huyện Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên, Lê Anh Quân - sinh năm 1987 ở tiểu khu 2 - thị trấn Ba Hàng - huyện Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên, cùng nhau thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản tại các cơ quan, trường học trên địa bàn huyện Sóc Sơn rồi đem đi tiêu thụ lấy tiền chia nhau sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 22h ngày 30/5/2014, Nguyễn Thanh Tú và Nguyễn Văn Chiển rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Tú sử dụng xe máy Sirius BKS 22B1 -

136.44 của mình đèo Chiển đi từ nhà xuống khu vực Lâm trường Phú Minh thì dừng lại, giấu xe máy ở ngoài và trèo qua hàng rào sắt B40 vào Trung tâm phát triển lâm nghiệp Hà Nội để trộm cắp tài sản. Khi vào trong, Tú và Chiển lên tầng 2 và dùng tay giật tung khuy cửa phòng kế hoạch tài chính lấy 02 bộ máy vi tính. Sau dó Tú, Chiển mang số tài sản lấy được lên nhà Lê Phạm Phương ở tổ 10 phường Phú Xá - thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên bán được hơn 2 triệu đồng rồi chia nhau ăn tiêu hết. Kết luận định giá tài sản số tài sản Tú và Chiển trộm cắp được trị giá 4.600.000 đồng.

Vụ 2: Khoảng 23h ngày 03/6/2014, Nguyễn Văn Chiển, Nguyễn Thanh Tú và Trịnh Văn Tuấn rủ nhau đi trộm cắp. Tú sử dụng xe máy Sirius BKS 22B1 - 136.44 đèo Chiển và Tuấn đến Trường mầm non Hồng Kỳ thì dừng lại, giấu xe ở ngoài. Tú, Chiển và Tuấn trèo qua tường rồi vào trong trường trộm cắp một số tài sản gồm 03 bộ máy vi tính và 01 cây vi tính rời. Sau khi lấy được tài sản, Chiển điện thoại cho Lê Anh Quân chở toàn bộ số tài sản đem đến bán cho Lê Phạm Phương. Tổng trị giá tài sản các đối tượng trộm cắp trong vụ này là 17.258.500 đồng.

Vụ 3: Khoảng 20h ngày 27/6/2014 Nguyễn Văn Chiển, Nguyễn Thanh Tú, Trịnh Văn Tuấn và Nguyễn Văn Trường rủ nhau xuống huyện Sóc Sơn trộm cắp tài sản và thống nhất khi lấy được tài sản thì sẽ điện thoại cho Lê Anh Quân đi xe ô tô đến đón chở đi bán. Sau đó, Tú lấy xe máy Sirius BKS 22B1 - 136.44 đèo Chiển, Tuấn và Trường đi từ nhà xuống Trường tiểu học Tân Hưng thì dừng lại. Trường ở ngoài trông xe, còn Chiển, Tuấn và Tú trèo tường từ phía sau vào trường. Các đối tượng cậy cửa phòng thể chất của trường rồi trộm cắp được 20 màn hình vi tính và 07 cây vi tính. Sau đó bê số tài sản lấy được ra bên ngoài trường và Chiển điện thoại cho Lê Anh Quân đi xe ô tô đến và cùng đem toàn bộ số tài sản lấy được đến bán cho Lê Phạm Phương được hơn 7 triệu đồng rồi chia nhau. Trị giá tài sản các đối tượng chiếm đoạt được là 39.210.000 đồng.

Vụ 4: Khoảng 20h ngày 01/7/2014, Nguyễn Văn Chiển, Nguyễn Thanh Tú, Trịnh Văn Tuấn và Nguyễn Văn Trường rủ nhau đi trộm cắp tài sản và thống nhất sau khi lấy được tài sản sẽ điện cho Lê Anh Quân đến đón chở đi tiêu thụ. Sau đó Tuấn lấy xe máy SCR BKS 98L7 - 7068 đèo Chiển, Tú và Trường từ nhà xuống đến Trường tiểu học Trung Giã B thì dừng lại để Trường ở ngoài trông xe, còn Chiển, Tuấn, Tú trèo tường vào bên trong trường rồi cậy cửa sổ của phòng tin học, vào bên trong tháo được 21 màn hình vi tính và 07 cây vi tính. Các đối tượng bê số tài sản lấy được ra ngoài đường rồi Chiển gọi điện cho Quân đến đón và cùng nhau đem đến là Lê Phạm Phương bán được khoảng 21 triệu đồng chia nhau hết. Theo kết luận định giá tài sản số 233 ngày 17/12/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Sóc Sơn kết luận số tài sản mà các đối tượng trộm cắp được là 64.540.000 đồng.

Vụ 5: Khoảng 23h ngày 24/7/2014, Nguyễn Thanh Tú, Trịnh Văn Tuấn, Nguyễn Văn Trường và Trịnh Tuấn Hải rủ nhau đi xuống Sóc Sơn trộm cắp tài sản và thống nhất sau khi lấy được tài sản sẽ điện thoại cho Lê Anh Quân đi ô tô đến đón chở đi bán. Sau đó, Tuấn lấy xe máy SCR BKS 98L7 - 7068 đèo Tú, Trường và Hải từ nhà đi xuống Trường THCS Tân Minh A thì dừng lại để Hải ở ngoài trông xe, còn Tú, Tuấn và Trường vào trong trường lấy được 16 cây vi tính và cùng nhau chuyển ra ngoài giấu ở bãi bóng gần trường. Do không nhớ số điện thoại của Quân nên không gọi cho Quân được, sau đó Tuấn và Hải đi xe máy ra ngã tư Sóc Sơn gọi 01 xe taxi (quá trình điều tra không xác định được) vào chở số tài sản nói trên đem lên nhà Lê Phạm Phương bán được hơn 2 triệu đồng rồi các đối tượng chia nhau. Kết luận định giá số tài sản các đối tượng chiếm đoạt được trị giá 24.960.000 đồng.

Vụ 6: Khoảng 23h ngày 24/8/2014, Nguyễn Thanh Tú, Nguyễn Văn Trường và Nguyễn Văn Châu rủ nhau đi trộm cắp tài sản và thống nhất sau khi lấy được tài sản sẽ điện thoại cho Lê Anh Quân đi xe ô tô đến đón chở đi bán.

Sau đó Tú lấy xe máy Sirius BKS 22B1 - 136.44 đèo Trường và Châu đi từ nhà xuống Trường tiểu học Bắc Sơn A thì dừng lại và giấu xe máy ở bên ngoài. Cả ba đối tượng đi men theo tường đang xây vào trường rồi dùng tuýp sắt bẻ gãy khóa cửa phòng tin học lấy được 13 màn hình vi tính, 05 cây vi tính, 06 bàn phím, 03 chuột vi tính, 01 tivi Sony 42 inch rồi chuyển số tài sản đó ra ngoài. Trường gọi điện cho Lê Anh Quân đi xe ô tô đến chở toàn bộ số tài sản đem đến bán cho Lê Phạm Phương được 4.200.000 đồng. Kết luận định giá tài sản số tài sản các đối tượng trộm cắp được trị giá 24.016.500 đồng.

Vụ 7: Khoảng 23h ngày 07/9/2014, Nguyễn Thanh Tú, Nguyễn Văn Trường rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Tú lấy xe máy Sirius BKS 22B1 - 136.44 đèo Trường từ nhà xuống Trường THCS Bắc Phú thì dừng xe, cả hai giấu xe máy ở bên ngoài cánh đồng. Tú và Trường trèo vào qua phía sau tường vào trường rồi cậy cửa phòng tài vụ trộm cắp 01 bộ máy tính và 01 máy in. Sau đó cả hai đem đến bán cho Lê Phạm Phương được 1.800.000 đồng lấy tiền chia nhau tiêu sài hết. Kết luận định giá tài sản Tú và Trường chiếm đoạt được là 5.330.000 đồng.

Vụ 8: Khoảng 23h ngày 13/9/2014, Nguyễn Thanh Tú, Nguyễn Văn Trường rủ nhau đi trộm cắp tài sản và thống nhất sau khi lấy được tài sản thì gọi điện cho Lê Anh Quân dùng xe ô tô chở đi bán. Tú dùng xe máy Sirius BKS 22B1 - 136.44 chở Trường đi từ nhà xuống Trường tiểu học Quang Tiến thì dừng xe giấu xe máy ở ngoài đường; Tú và Trường trèo tường vào bên trong trường rồi vào phòng hội đồng trộm cắp 01 máy chiếu đa năng nhãn hiệu NEC và 01 tivi nhãn hiệu LG 42 inch; sau đó gọi điện cho Quân đến chở rối bán cho Lê Phạm Phương được 4.000.000 đồng. Số tiền này Tú, Trường và Quân chia nhau ăn tiêu hết. Kết quả định giá số tài sản này trị giá 17.200.000 đồng.

Vụ 9: Khoảng 23h ngày 23/9/2014, Nguyễn Thanh Tú, Nguyễn Văn Trường, và Nguyễn Văn Châu rủ nhau xuống huyện Sóc Sơn trộm cắp tài sản

và thống nhất sau khi lấy được tài sản thì gọi cho Lê Anh Quân xuống chở đi bán. Tú lấy xe máy Sirius BKS 22B1 - 136.44 đèo Trường và Trâu đi từ nhà xuống đến Trường THCS Kim Lũ thì đi vào đường cánh đồng gần trường giấu xe; cả ba đi bộ qua cánh đồng rồi trèo tường vào phía sau trường; sau đó chui qua ô thoáng cửa sổ vào phòng tin học của trường tháo 18 màn hình vi tính chuyển ra ngoài rồi gọi điện cho Lê Anh Quân đến đón chở lên nhà Lê Phạm Phương bán số tài sản cho Phương được 3.000.000 đồng rồi chia nhau tiền ăn tiêu hết. Kết luận định giá số tài sản các đối tượng chiếm đoạt được trị giá 7.215.000 đồng.

Vụ 10: Khoảng 23h ngày 05/10/2014, Nguyễn Thanh Tú và Nguyễn Văn Trường rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Cả hai đi xe máy Sirius BKS 22B1 - 136.44 từ nhà đến Trường tiểu học Phù Linh, giấu xe ở ngoài ria đường quốc lộ 3 rồi trèo tường vào trường. Cả hai vào một lớp học rồi tháo một máy chiếu đa năng nhãn hiệu Sanyo và 01 màn chiếu. Sau đó đem về nhà cất giấu rồi chiều ngày hôm sau đem lên bán cho Lê Phạm Phương được 1.200.000 đồng. Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Sóc Sơn kết luận số tài sản mà các đối tượng trộm cắp trị giá 6.964.200 đồng.

Ngày 07/5/2015, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đã ban hành bản Cáo trạng số 95/CT-VKS truy tố đối với Nguyễn Thanh Tú về tội trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 138 BLHS; đối với Nguyễn Văn Trường, Lê Anh Quân, Trịnh Văn Tuấn về tội Trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS và Lê Phạm Phương về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo điểm a khoản 3 Điều 250 BLHS. Đối với Nguyễn Văn Chiển sau khi phạm tội đã bỏ trốn nên CQĐT ra quyết định truy nã và xử lý sau. Đối với Nguyễn Văn Châu và Trịnh Tuấn Hải khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chưa đủ 16 tuổi và tài sản chiếm đoạt dưới 50 triệu đồng nên áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Bản án số 200/2015/HSST ngày 03/12/2015 của Tòa án nhân dân

huyện Sóc Sơn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Anh Tú 8 năm tù; Nguyễn Văn Trường 5 năm tù; Trịnh Văn Tuấn 4 năm tù; Lê Anh Quân 2 năm tù và Lê Phạm Phương 4 năm tù.

Thông qua vụ án trên cho thấy, các đối tượng đã có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ từ việc thực hiện hành vi đến việc tiêu thụ tài sản. Lợi dụng sự đêm tối và sơ hở trong công tác bảo vệ của các cơ quan, đơn vị, trường học để trộm cắp tài sản.

Trong thời gian qua, trên địa bàn huyện Sóc Sơn đã xảy ra những vụ án được thực hiện bởi người dưới 18 tuổi đã tạo nên những bức xúc lớn trong cộng đồng xã hội.

Điển hình là: Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn: Khoảng 20h ngày 26/02/2017, Nguyễn Quang Huy - sinh ngày 20/8/2000, trú tại khối 4 xã Phù Lỗ - huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội, điều khiển xe máy BKS 29M5 - 1947 đi qua nhà anh Nguyễn Phương Thực - sinh năm 1978 ở khối 5 xã Phù Lỗ - huyện Sóc Sơn thì thấy nhà anh Thực không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Huy quan sát thấy cổng nhà anh Nguyễn Phương Quyết (sát cổng nhà anh Thực) đang làm nhà, không có khóa cổng nên Huy đi vào cổng nhà anh Quyết tìm được 01 chiếc búa sắt, Huy đi sang nhà cậy được chấn song cửa nhà anh Thực rồi đi vào bên trong. Huy đi lên tầng 2 rồi dùng búa cậy cửa phụ bên trong phòng ngủ, thấy có nhiều đồ đạc nhưng không thấy có gì giá trị. Huy tìm thấy chìa khóa nên đi xuống tầng 1 rồi dùng chìa khóa mở két sắt, xoay mật mã đến số 36 thì mở được. Huy thấy 01 chiếc dùi cui điện để trong két rồi lấy và cất vào túi áo khoác đang mặc. Sau đó, Huy nghe thấy có tiếng động ngoài cổng nên chạy lên tầng 3. Ngay sau đó, anh Thực phát hiện và cùng anh Quyết đuổi bắt giữ được Huy và đưa Huy đến trụ sở Công an giải quyết.

Tại bản kết luận giám định số 3948/C54(P3) ngày 31/8/2017 của Viện khoa học hình sự kết luận 01 chiếc dùi cui điện là công cụ hỗ trợ.

Quá trình điều tra còn làm rõ Nguyễn Quang Huy còn 02 lần đột nhập vào nhà anh Thực trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 6/2016, thời gian này anh Thực có nhờ Huy đưa bố đẻ anh Thực về nhà và bảo Huy lấy chìa khóa để ở chậu hoa trước cửa để mở cửa vào nhà. Khoảng 19h30' ngày 10/6/2016, Huy vào nhà anh Thực lấy chìa khóa để ở trước nhà rồi mở cửa nhà đi vào bên trong phòng ngủ. Huy phát hiện chìa khóa két sắt để bên cạnh nên lấy mở khóa két sắt. Huy xoay ngược chiều kim đồng hồ để dò mã két, xoay thừ 10 đến số 36 thì Huy mở được khóa két. Huy thấy bên trong két có 01 túi nilon màu xanh bên trong đựng tiền, Huy mở ra bên trong có nhiều loại tiền mệnh giá 50.000đ, 100.000đ, 200.000đ, 500.000đ bó thành từng tập bằng dây chun. Huy lấy mỗi tập một ít tiền rồi đóng két lại, để chìa khóa về vị trí ban đầu. Huy đi ra thấy một túi xách treo ở mắc quần áo, Huy mở túi và lấy đi số tiền 4.000.000 đồng. Khi về nhà Huy kiểm tra số tiền lấy được trong két là 26.000.000 đồng. Tổng số tiền Huy trộm cắp được là 30.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vẫn phương thức và thủ đoạn như trên, khoảng 11h30' ngày 14/10/2016, Huy cũng đi vào nhà anh Thực, mở khóa két và lấy đi 04 cọc tiền, trong đó có 02 cọc tiền mệnh giá 50.000 đồng, 02 cọc tiền mệnh giá 200.000 đồng. Tổng cộng số tiền Huy trộm cắp ngày 14/10/2016 là 50.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 168/CT-VKS ngày 01/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đã truy tố Nguyễn Quang Huy về tội Trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999.

Bản án số 21/2018/HSST ngày 09/3/2018 tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang Huy phạm tội trộm cắp tài sản. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Huy 24 tháng tù.

Xuất phát từ chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đã được cụ

thể hóa trong luật hình sự và các văn bản PLHS có liên quan thì việc xử lý đối với những người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, cải tạo họ trở thành những công dân có ích cho xã hội là hoàn toàn đúng đắn. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội cần phải đi đôi với việc giải quyết những nguyên nhân sâu xa phát sinh của tội phạm, phải có sự chung tay góp sức của gia đình, nhà trường và toàn xã hội để góp phần ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả tình hình tội phạm nói chung và tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng.

2.1.3.4. Định tội danh tội trộm cắp tài sản theo mặt chủ quan của tội phạm.

Định tội danh tội trộm cắp tài sản theo mặt chủ quan của tội phạm được các cơ quan tiến hành tố tụng dự trên các yếu tố lỗi, mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội.

Về yếu tố lỗi, có thể khẳng định lỗi của người có hành vi chiếm đoạt tài sản là lỗi cố ý trực tiếp; người thực hiện hành vi phạm tội biết rõ tài sản đang thuộc quyền sở hữu của người khác hoặc đang có người quản lý tài sản nhưng vẫn mong muốn biến tài sản đó thành tài sản của mình.

Tuy nhiên, trong thực tiễn tại huyện Sóc Sơn, có những vụ án mà các cơ quan tiến hành tố tụng khi định tội danh tội trộm cắp tài sản theo mặt chủ quan gặp phải khó khăn đó là trường hợp người thực hiện hành vi lén lút lấy tài sản nhưng người thực hiện hành vi lại nghĩ đó là tài sản của mình.

Ví dụ: Ngày 23/6/2011, Nguyễn Văn Phú - sinh năm 1983, thường trú tại thôn Sơn Đoài - xã Tân Minh - huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội mua xe ô tô dưới hình thức trả góp một phần, đã làm hợp đồng thế chấp chiếc xe ô tô tải ben loại 7 tấn nhãn hiệu Trường Giang, BKS 29C - 081.56 để vay số tiền 270.000 đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần dầu khí toàn cầu (GP Bank - Chi nhánh Thăng Long, có phòng giao dịch tại số 9 đường Cao Lỗ - xã Uy Lỗ - huyện Đông Anh - thành phố Hà Nội). Trong hợp đồng quy định tài sản thế chấp ngân hàng giao cho Nguyễn Văn Phú sử dụng, hàng tháng phải trả

tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng trong vòng 36 tháng (kể từ ngày 23/6/2011 đến ngày 23/6/2014).

Quá trình kinh doanh không có lợi nhuận nhiều nên không thanh toán tiền nợ hàng tháng theo quy định cho ngân hàng được dẫn đến số tiền nợ gốc không trả được còn kèm theo cả nợ lãi. Mặc dù theo quy định hợp đồng không được bán tài sản thế chấp nhưng do không có khả năng tiếp tục trả nợ ngân hàng nên ngày 24/4/2012 Phú đã bán chiếc xe ô tô trên cho ông Trần Quang Tùng lấy 400.000.000 đồng với thỏa thuận trả ông Tùng 160.000.000 đồng mà Phú đã vay trước đó và chuyển số nợ ngân hàng còn lại là 240.000.000 đồng cho ông Tùng, hàng tháng ông Tùng phải đóng tiền theo quy định.

Sau quá trình sử dụng chiếc xe trên, ông Tùng thấy không có lợi nhuận nên ngày 29/6/2012 đã bán lại cho bà Nguyễn Thu Hường với giá 310.000.000 đồng, trong đó 93.000.000 đồng tiền mặt và thỏa thuận bà Hường phải trả nợ đối với ngân hàng số tiền 217.000.000 đồng trong vòng 02 năm kể từ tháng 6/2012 đến tháng 6/2014, sau đó bà Hường thuê ông Trần Quốc Bình lái xe chở vật liệu xây dựng đi các công trình. Do bà Hường và ông Bình nhiều tháng không đóng tiền cho ngân hàng theo quy định, ngân hàng đã thúc giục và thông báo cho Phú, Phú thông báo lại cho ông Bình nhiều lần, ông Bình hứa sẽ nộp nhưng lại không nộp.

Sáng ngày 09/9/2013 Phú ngồi ở đầu ngõ nhà ông Bình ở thôn Thủy Lợi 2 - xã Tân Minh - huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội chờ ông Bình về để nói chuyện. Khoảng 11h45’ cùng ngày, thấy ông Trần Quốc Bình lái xe về đỗ tại đầu ngõ vào khu tập thể Thủy Lợi 2, Phú gặp ông Bình để nói chuyện nhưng ông Bình không nói chuyện mà đi bộ thẳng vào nhà. Lúc này Phú nẩy sinh ý định trộm chiếc xe trên của ông Bình để mang xuống thanh toán hợp đồng với ngân hàng, sau này sẽ không bị ngân hàng đòi nữa. Phú lên xe điều khiển đến ngân hàng tại Đông Anh và được hướng dẫn đỗ xe tại bãi đỗ Thanh

tra giao thông Đông Anh. Sau đó Phú đã bán chiếc xe trên cho anh Phạm Đình Chung và công chứng hợp đồng mua bán tại văn phòng công chứng số 5 với giá 180.000.000 đồng.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Sóc Sơn kết luận chiếc xe ô tô trên trị giá 294.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 05/4/2016 truy tố đối với Nguyễn Văn Phú về tội trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 17 - 20/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đưa ra xét xử vụ án và tuyên phạt Nguyễn Văn Phú 07 năm tù (theo bản án số 16/2017/HSST ngày 17-20/02/2017).

Thông qua vụ án trên cho thấy, mục đích chiếm đoạt chiếc xe trên của người thực hiện hành vi phạm tội là nhằm thực hiện nốt hợp đồng với ngân hàng mà họ đã cam kết, do người mua xe không thực hiện hợp đồng đã thỏa thuận nên buộc người thực hiện hành vi trộm cắp phải lấy xe để đi thực hiện hợp đồng với ngân hàng.

Về mục đích: Trong ý thức chủ quan của người phạm tội, mục đích chiếm đoạt tài sản là kết quả phải đạt được khi họ thực hiện hành vi phạm tội. Thông thường, mục đích phạm tội là yếu tố bắt buộc phải có trong CTTP thuộc hai trường hợp, đó là trường hợp dấu hiệu hậu quả chưa phản ánh được mục đích phạm tội của người phạm tội và dấu hiệu hành vi khách quan không phản ánh được mục đích phạm tội.

2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản.

Quyết định hình phạt là hoạt động nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự của Tòa án có thẩm quyền nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (mà ở đây được giao cho Hội đồng xét xử) thực hiện sau khi đã xác định được tội danh và tùy từng trường hợp để quyết định khung hình phạt, loại hình phạt (bao gồm hình phạt chính và có thể có hình phạt bổ sung), mức hình

phạt cụ thể cho người phạm tội trong phạm vi của khung hình phạt do pháp luật quy định; phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân người phạm tội. Do vậy, quyết định hình phạt luôn là hoạt động nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự của Hội đồng xét xử (bao gồm Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân) thực hiện trên cơ sở các quy định của BLHS để quyết định một mức hình phạt đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể.

Quyết định hình phạt đúng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong thực tiễn, nó là cơ sở phap lý quan trọng để đạt được mục đích của hình phạt, góp phần nâng cao hiệu quả của hình phạt và bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa; mục đích của hình phạt là kết quả mà Nhà nước đề ra và mong muốn đạt được khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội. Quyết định hình phạt đúng đắn, chính xác là điều kiện đảm bảo tính khả thi của hệ thống hình phạt, từ đó sẽ tác động đến ý thức pháp luật của mỗi người để họ thấy được hành vi sai trái của mình để thực hiện pháp luật cho đúng. Quyết định hình phạt bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, làm cho hình phạt là công cụ hữu hiệu trong công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Việc Tòa án tuyên hình phạt thỏa đáng sẽ có tác dụng giáo dục đến quần chúng nhân dân, làm cho quần chúng nhân dân thấy được sự nghiêm minh của pháp luật để từ đó sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật và tích cực tham gia vào công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

2.2.1. Những kết quả đạt được trong quyết định hình phạt ở tội trộm cắp tài sản.

Nghiên cứu thực tiễn hoạt động quyết định hình phạt giai đoạn 2013 - 2017 trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội cho thấy số vụ án Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đưa ra xét xử là 1.062 vụ với 2.500 bị cáo thì tất cả những vụ án liên quan đến tội trộm cắp tài sản đều được cơ quan tiến hành tố tụng huyện Sóc Sơn xác định đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và việc quyết định hình phạt hợp lý. Khi quyết định hình phạt, Tòa án nhân dân huyện

Sóc Sơn đã áp dụng đầy đủ các quy định của BLHS, BLTTHS, các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời, trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà Tòa án quyết định hình phạt chính xác, tương xứng với hành vi, thủ đoạn phạm tội của bị cáo. Hầu hết những vụ án hình sự, đặc biệt là những vụ án trộm cắp tài sản được đưa ra xét xử kịp thời; hình phạt được áp dụng đối với từng bị cáo đủ tính nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Trên cơ sở thống kê số liệu xét xử về tội trộm cắp tài sản 5 năm qua cho thấy, hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn là hình phạt cải tạo không giam giữ 13 bị cáo (chiếm 4%), hình phạt tù từ 3 năm trở xuống với 231 bị cáo trên tổng số 319 bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản (chiếm 72,4%), trong đó bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo là 125 bị cáo (chiếm 39,2%); hình phạt tù từ trên 3 năm đến dưới 7 năm tù là 58 bị cáo (chiếm 18,1%) và hình phạt từ 7 năm đến 15 năm tù 17 bị cáo (chiếm 5,3%). Như vậy, trong giai đoạn 2013 - 2017, trên địa bàn huyện Sóc Sơn số người phạm tội trộm cắp tài sản bị xử phạt tù chiếm tỷ lệ cao (chiếm 95,9%); không có trường hợp nào được miễn hình phạt. Số vụ án các bị cáo kháng cáo chiếm số lượng ít; không có vụ án nào Viện kiểm sát kháng nghị. Trong đó, án có kháng cáo thì tỷ lệ án bị cấp phúc thẩm sửa không nhiều, không có trường hợp nào sửa theo hướng tăng nặng hình phạt; một số bị cáo sửa về hình phạt theo hướng giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo hưởng án treo chủ yếu là do xuất hiện thêm những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, số còn lại chủ yếu là y án. Điều đó cho thấy các vụ án trộm cắp tài sản được Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đưa ra xét xử sơ thẩm đã tuân thủ nghiêm túc các quy định của BLHS, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, từ đó đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị

cáo, đảm bảo tác dụng tuyên truyền, giáo dục và cải tạo người phạm tội.

2.2.2. Một số hạn chế, vướng mắc trong quyết định hình phạt.

Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn việc quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội 5 năm (từ 2013 - 2017) cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn có những tồn tại, hạn chế cần khắc phục, đó là khi xem xét để quyết định hình phạt thì giữa Tòa án và Viện kiểm sát vẫn còn một số trường hợp chưa thống nhất, đặc biệt là một số tình tiết làm căn cứ để quyết định hình phạt. Điều đó cho thấy do nhận thức chủ quan của người áp dụng pháp luật (chủ yếu là Thẩm phán và Kiểm sát viên) có sự khác nhau, sự phối hợp chưa nhịp nhàng, đồng bộ dẫn đến sự khác biệt trong đánh giá và quyết định hình phạt.

Khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội ở các tình tiết "dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm" theo điểm d khoản 2 Điều 138 và tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng" theo điểm g khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 thì một số trường hợp vẫn có sai sót khi quyết định hình phạt trong trường hợp "dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm" và "gây hậu quả nghiêm trọng", những sai sót đó bắt nguồn từ sự nhận thức của mỗi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân có sự khác nhau, chưa có sự thống nhất nên việc vận dụng là khác nhau, do đó ảnh hưởng không nhỏ đến việc quyết định hình phạt. Tuy nhiên, BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đã không còn quy định về "gây hậu quả nghiêm trọng" nữa, điều này đã khắc phục được những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng tình tiết này để quyết định hình phạt.

Hạn chế trong việc áp dụng các quy định của pháp luật liên quan đến quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức, đó là thiếu các quy định mang tính chất phân hóa trách nhiệm hình sự trong việc quyết định hình phạt đối với các vụ án có đồng phạm nói chung và những vụ án phạm tội có tổ chức. Do đó, việc nhận định, đánh giá vụ án có đồng phạm giản đơn và

vụ án có tổ chức để phân hóa vai trò của từng đối tượng trong vụ án để quyết định hình phạt của một số Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân vẫn còn không thống nhất.

Tiểu kết chương 2

Trong phạm vi chương 2, tác giả tập trung vào việc phân tích, đánh giá về mặt lý luận hoạt động định tội danh và nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản tại huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội. Qua đó cho thấy thực tiễn hoạt động định tội danh đối với tội phạm hình sự nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng trên địa bàn huyện Sóc Sơn luôn được các cơ quan tiến hành tố tụng quan tâm trú trọng. Các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Sóc Sơn đã áp dụng đầy đủ các quy định của BLHS, BLTTHS và các văn bản hướng dẫn để làm căn cứ định tội danh cũng như xử lý vụ án một cách chính xác, đạt hiệu quả cao, đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, từ đó đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Thực tế cho thấy, qua 5 năm (từ 2013 đến 2017), huyện Sóc Sơn chưa có vụ án trộm cắp tài sản nào bị hủy. Số vụ án bị cải sửa theo thủ tục phúc thẩm không nhiều, chủ yếu là cải sửa theo hướng giảm nhẹ hình phạt hoặc sửa theo hướng cho hưởng án treo do phát sinh thêm một số tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc do HĐXX cấp phúc thẩm đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi mà xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Điều đó cho thấy sự cố gắng, nỗ lực rất lớn từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Sóc Sơn trong việc khắc phục những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau để đưa ra đường lối xử lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Bên cạnh những kết quả mà các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Sóc Sơn đã đạt được, vẫn còn những tồn tại, hạn chế, bất cập trong việc định tội danh và xử lý các vụ án hình sự. Những tồn tại, bất cập, hạn chế này nằm trong chính những cách hiểu và áp dụng quy định của pháp luật để định tội

danh đối với tội trộm cắp tài sản. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn những quan điểm khác nhau về việc định tội danh và về việc áp dụng các khoản ngay trong cùng một điều luật. Điều này dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất ở từng địa phương, từng cơ quan tiến hành tố tụng và ở cả những người tiến hành tố tụng. Do vậy, đòi hỏi pháp luật phải có những quy định rõ ràng, cụ thể hơn để pháp luật được áp dụng một cách thống nhất.

Chương 3
CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN

3.1. Nâng cao nhận thức về định tội danh về tội trộm cắp tài sản theo Bộ luật hình sự 2015

Xác định tội danh là một vấn đề hết sức quan trọng, là giai đoạn cơ bản trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự.

Định tội danh đúng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giải quyết vụ án hình sự, bởi vì nó là cơ sở cần thiết đầu tiên cho việc truy cứu TNHS người phạm tội. Trên cơ sở xác định hành vi mà người phạm tội đã thực hiện là hành vi phạm tội gì, quy định tại khoản, điều nào của Bộ luật hình sự, từ đó người áp dụng pháp luật sẽ quyết định một hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội đó. Do vậy, định tội danh được xem xét là điều kiện, là tiền đề cho việc quyết định hình phạt một cách đúng đắn, mang lại hiệu quả trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Trường hợp định tội danh không đúng sẽ dẫn đến hậu quả là quyết định hình phạt không đúng, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án, xử lý oan người vô tội, để lọt tội phạm, xử nhẹ hoặc nặng hơn so với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Việc xử lý hình sự thiếu chính xác như vậy sẽ xâm phạm đến những quyền và lợi ích hợp pháp tổ chức, của công dân, không những thế còn làm giảm uy tín của các cơ quan pháp luật, vi phạm pháp chế, ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Do vậy, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm hình sự nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng, cần thiết phải tăng cường phổ biến và nâng cao nhận thức về định tội danh. Từ đó, tác giả đưa ra một số đề xuất như sau:

Giải quyết xung đột quan điểm trong định tội danh, trong đó có nhận

thức chưa thống nhất về các dấu hiệu định tội vì chúng chưa rõ ràng. Cơ sở để định tội không rõ ràng có thể là do quy phạm pháp luật hình sự không rõ ràng hoặc là những tình tiết bên trong của hành vi phạm tội không được bộc lộ rõ.

Trường hợp QPPL không rõ ràng có thể do QPPL không rõ hoặc QPPL có nội dung không đầy đủ. Do đó nếu gặp trường hợp QPPL không rõ nghĩa trong khi định tội thì chúng ta có thể xem xét lại các công trình chuẩn bị để Bộ luật hình sự được đi vào thực tiễn như dự thảo Bộ luật hình sự, tờ trình Quốc hội để thông qua Bộ luật hình sự, biên bản thảo luận, góp ý...

Hiện nay, những quy định của Bộ luật hình sự mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện nhiều lần nhưng vẫn còn bộc lộ nhiều điểm chưa rõ ràng. Các cơ quan có thẩm quyền trong việc giải thích luật, đặc biệt là Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ra nhiều văn bản hướng dẫn áp dụng luật khi xét xử. Tuy nhiên, nhiều nội dung có liên quan đến định tội vẫn chưa được nhận thức một cách thống nhất, kể cả trong giới nghiên cứu lẫn những người làm công tác thực tiễn. Ví dụ, dấu hiệu "đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm", "dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm", "hành hung để tẩu thoát"... đó là một trong số rất nhiều các dấu hiệu mà luật chưa giải thích rõ. Yêu cầu cấp thiết là các cơ quan pháp luật, đặc biệt là các cơ quan tiến hành tố tụng phải luôn theo sát thực tiễn nghiên cứu và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nhằm phát hiện những vấn đề không rõ ràng mà trong thực tiễn phát sinh thì cần phải có văn bản hướng dẫn kịp thời.

3.2. Tăng cường hướng dẫn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội trộm cắp tài sản

Bộ luật hình sự năm 2015 được thông qua ngày 27/11/2015 tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII và lẽ ra có hiệu lực từ ngày 01/7/2016, tuy nhiên do có một số sai sót cần được khắc phục nên ngày 29/6/2016 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết lùi hiệu lực thi hành của BLHS năm 2015. Tiếp đó,

ngày 20/6/2017 Quốc hội đã thông qua Luật số 12/2017/QH14 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018.

Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015), theo đó, tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 và vẫn được quy định thành 5 khoản và với 16 điểm, trong khi Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 1999) chỉ quy định 11 điểm. Cũng tại các điểm của Điều 173 BLHS năm 2015 không sử dụng từ để chỉ số lượng, giá trị như các điểm của Điều 138 BLHS năm 1999 đã quy định như *"hai triệu đồng", "sáu tháng", "ba năm"*... mà được thay bằng các con số như *"2.000.000", "06 tháng", "03 năm"...,* đồng thời BLHS năm 2015 còn thay thế thuật ngữ *"giá trị"* bằng *"trị giá"*. Theo đó quy định *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ ..."* được thay bằng *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ ..."*. Theo tác giả, sự thay đổi này là phù hợp, bảo đảm tính thống nhất so với các thuật ngữ trong các luật chuyên ngành; theo đó, giá trị được hiểu là sự cảm nhận mang tính chủ quan của chủ thể đối với một sự vật, hiện tượng hay một trạng thái nào đó. Đối với một sản phẩm, tài sản hoặc dịch vụ thì giá trị thường được hiểu là giá trị sử dụng và những tiện ích mà sản phẩm, tài sản hoặc dịch vụ đó đem lại; còn trị giá là định giá của một đồ vật hay một vật thể nào đó bằng tiền hay một đơn vị thanh toán tương đượng khác. Từ trước đến nay, đối với hành vi trộm cắp tài sản, việc định giá đối với tài sản bị chiếm đoạt có ý nghĩa quan trọng trong việc định tội danh cũng như định khung hình phạt đối với người phạm tội; thực chất đó chính là trị giá của tài sản đó. Rất nhiều người thường hay nhầm lẫn hai khái niệm *"trị giá"* và *"giá trị"*, do vậy, để đảm bảo tính thống nhất và tính xác thực về thuật ngữ và áp dụng pháp luật, việc thay đổi thuật ngữ như vậy là hoàn toàn cần thiết.

Mặc dù BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mới được ban

hành và mới có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, tuy nhiên qua mấy tháng áp dụng, quy định của BLHS hiện hành về tội trộm cắp tài sản vẫn còn gặp một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, đặt ra yêu cầu đối với nhà làm luật là phải nghiên cứu, có các văn bản hướng dẫn cụ thể, chính xác để các cơ quan áp dụng pháp luật có thể áp dụng thống nhất, hiệu quả hơn. Trong đó, thường gặp một số vướng mắc cần được tập trung tháo gỡ, chủ yếu vào việc xác định tội danh, về khái niệm và các dấu hiệu định khung được quy định trong điều luật cũng như sự phân hóa sâu sắc hơn về trách nhiệm hình sự đối với những hành vi thỏa mãn dấu hiệu định khung khác.

Bộ luật hình sự là công cụ hữu hiệu và sắc bén của Nhà nước ta trong quản lý xã hội, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Từ khi Nhà nước ta ban hành BLHS, công tác áp dụng PLHS nói chung và các quy định của PLHS về tội trộm cắp tài sản nói riêng đã được cụ thể hóa vào thực tiễn với hiệu quả cao. Tuy nhiên, để hoàn thiện các quy định của pháp luật về mặt nội dung cũng như công tác áp dụng pháp luật vào thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống loại tội phạm này đòi hỏi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần tiếp tục rà soát các văn bản pháp luật cũng như tăng cường công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật đối với các cơ quan tiến hành tố tụng để việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự đạt hiệu quả cao nhất. Chú trọng tăng cường nghiên cứu hoạt động ADPL trong lĩnh vực hình sự nói chung và quy định của PLHS về tội trộm cắp tài sản nói riêng nhằm làm rõ bản chất của hành vi phạm tội cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ADPL trên thực tế.

Hiện nay, hệ thống văn bản hướng dẫn áp dụng PLHS nói chung, áp dụng trong giải quyết các vụ án trộm cắp tài sản ở nước ta nói riêng vẫn còn nhiều tồn tại, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh, xử lý loại tội phạm luôn biến động này, tính khả thi của pháp luật còn thấp. Việc khắc phục những tồn tại này còn khá chậm chạm, đặc biệt trong bối cảnh

BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 mới được thi hành. Thực trạng này đòi hỏi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần phải tăng cường ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng đối với tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng cả về số lượng và chất lượng, quy định cụ thể, chi tiết, khoa học, thống nhất, chặt chẽ và logic để đáp ứng tốt yêu cầu đặt ra. Để tạo cơ sở thống nhất cho việc áp dụng pháp luật, cần tăng cường hướng dẫn một số vấn đề sau:

Thứ nhất, cần có hướng dẫn cụ thể về khái niệm tội trộm cắp tài sản. BLHS hiện hành cũng như các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật khác không nêu khái niệm như thế nào là tội trộm cắp tài sản. Điều 173 BLHS hiện hành chỉ quy định: *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng…".* Thông qua quy định của điều luật như vậy, ta không thể hiểu được như thế nào là hành vi trộm cắp tài sản, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến sự nhầm lẫn giữa một số tội có tính chất chiếm đoạt khác với tội trộm cắp tài sản.

Theo quy định của BLHS năm 2015, trong số các tội có tính chất chiếm đoạt, từ Điều 168 đến Điều 175 thì tội trộm cắp tài sản là một trong ba tội chưa được nêu khái niệm (mô tả hành vi) trong điều luật, đó là tội cướp giật tài sản (Điều 171), tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172) và tội trộm cắp tài sản (Điều 173). Đây được xem là nguyên nhân có nhiều quan điểm khác nhau trong việc đánh giá hành vi chiếm đoạt của người phạm tội trong thực tiễn liên quan đến 03 tội này và rất có thể có sự nhầm lẫn giữa tội trộm cắp tài sản với một số tội có tính chất chiếm đoạt khác.

Nghiên cứu khái niệm của những tội khác mà Bộ luật hình sự quy định, chúng tôi thấy rằng khái niệm của một tội cần phải nêu ra được những đặc trưng cơ bản của tội đó để từ đó chúng ta có thể phân biệt tội đó với các tội khác có những dấu hiệu tương tự nhau. Những dấu hiệu đó có thể là hành vi, thủ đoạn thuộc mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm, lỗi, động

cơ, mục đích, đối tượng tác động. Theo quan điểm của tác giả, BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 mới có hiệu lực nên chưa thể sửa đổi bổ sung ngay được, do vậy cần có quy định cụ thể ở các văn bản hướng dẫn, theo đó khái niệm tội trộm cắp tài sản có thể được khái quát như sau: *Người nào chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng…".*

Thứ hai, cần hướng dẫn cụ thể về tình tiết *"đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm".* Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 thì một người có hành vi trộm cắp tài sản có giá trị dưới mức tối thiểu (nghĩa là dưới 2.000.000 đồng) thì phải có thêm dấu hiệu khác mới cấu thành tội trộm cắp tài sản, đó là *"đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt".* Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định xử lý VPHC bao gồm xử phạt VPHC (phạt tiền, cảnh cáo) và các biện pháp xử lý hành chính khác (giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục…), những biện pháp xử lý vi phạm hành chính này có tính nghiêm khắc hơn biện pháp xử phạt vi phạm hành chính, trong khi đó điều luật lại không quy định tình tiết này là tình tiết định tội. Do đó, trường hợp người có hành vi chiếm đoạt tài sản đã bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính khác (biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục) sau đó lại có hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá dưới mức tối thiểu (dưới 2.000.000 đồng) nhưng nếu theo quy định của BLHS hiện hành thì dù người đó đủ tuổi chịu TNHS cũng không có đủ dấu hiệu về mặt khách quan để xử lý về mặt hình sự. Chính vì vậy, tác giả đề xuất cần có hướng dẫn cụ thể quy định của điểm a khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 về tình tiết *"đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm",* theo đó có thể có văn bản hướng dẫn theo hướng *"đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt mà còn vi phạm",* như vậy mới có thể tránh bỏ lọt tội

phạm, áp dụng thống nhất, đảm bảo sự công bằng của pháp luật.

Thứ ba, trường hợp trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng *"gây hậu quả nghiêm trọng"* được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 đã được bãi bỏ, được thay bằng *"gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội"* quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, Luật 2015 chưa quy định thế nào là *"gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội"* sẽ dẫn đến khó khăn trong việc hiểu và áp dụng , vì đây là tình tiết, hậu quả mang tính phi vật chất; việc đánh giá, áp dụng nếu không được hướng dẫn cụ thể sẽ có thể dẫn tới tùy nghi, phụ thuộc vào nhận thức của các cơ quan, người tiến hành tố tụng cũng như phụ thuộc vào đặc trưng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng miền, địa phương khác nhau.

Thứ tư, BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã bỏ tình tiết định khung tăng nặng *"gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng"* và *"gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng"* trong tội trộm cắp tài sản, tuy nhiên tình tiết *"hành hung để tẩu thoát"* vẫn còn quy định (điểm đ khoản 2 Điều 173 BLHS 2015). Theo quy định tại mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 thì khi áp dụng tình tiết *"hành hung để tẩu thoát"* tại điểm đ khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999: *"Trường hợp người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nếu bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã ... nhằm tẩu thoát"* đó là trường hợp người phạm tội "hành hung để tẩu thoát"; *"nếu đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho bằng được tài sản",* thì bị chuyển hóa từ tội trộm cắp tài sản thành tội cướp tài sản. Đối với những trường hợp hành hung để tẩu thoát, người phạm tội có hành vi

dùng vũ lực gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng cho người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ thì sẽ xử lý như thế nào.

Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT chưa quy định cụ thể thế nào là *"bị phát hiện"*. Vấn đề đặt ra ở đây là trong trường hợp người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản thì khoảng thời gian là bao lâu từ khi chiếm đoạt được đến khi bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại. Giả thiết người phạm tội đã thực hiện xong hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy, khoảng vài ngày sau trong khi người đó đang đem xe đi tiêu thụ thì bị phát hiện, như vậy có được xem xét, áp dụng tình tiết này không? Theo tác giả thì thời gian này không được kéo dài, bởi vì khi bị phát hiện đó thì tội phạm đã được hoàn thành và như vậy hành vi chống trả của người phạm tội đối với việc bị phát hiện, bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại không còn ý nghĩa nữa. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi theo hướng thay cụm từ *"đã chiếm đoạt được tài sản"* bằng cụm từ *"ngay sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt được tài sản"* để tránh gây hiểu lầm, khó khăn trong quá trình áp dụng.

Trường hợp người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nếu bị phát hiện và *"chưa bị bắt giữ"* thì đã có những hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực nhằm "không bị bắt giữ" sau đó tẩu thoát thì có áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "hành hung để tẩu thoát" hay không. Hậu quả của hành vi dùng vũ lực gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng cho người phát hiện trong trường hợp này sẽ xử lý thế nào.

Với tính phổ biến của tội trộm cắp tài sản thì hành vi phạm tội luôn diễn ra muôn hình, muôn vẻ. Việc hiểu rõ, nắm vững và tìm ra các quy định còn khó khăn, vướng mắc và hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản luôn đặt ra góp phần đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này ngày càng phát huy hiệu quả và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

3.3. Nâng cao năng lực của chủ thể áp dụng pháp luật về tội trộm cắp tài sản

Bảo đảm chất lượng của các hoạt động tư pháp là một yêu cầu hết sức quan trọng trong công tác giải quyết các loại án, nhất là đối với công tác giải quyết án hình sự. Trong thời gian qua, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhiều cố gắng để nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án, tuy nhiên vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Vẫn còn có trường hợp quyết định, bản án tuyên đối với người phạm các tội nói chung và về tội trộm cắp tài sản nói riêng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc áp dụng pháp luật có sai lầm nghiêm trọng do lỗi chủ quan của các cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng dẫn đến bị sửa, hủy.

Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác pháp luật để đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế là một yêu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Cần tăng cường công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật, việc đào tạo và đào tạo lại, tăng cường kỹ năng tiến hành tố tụng và giải quyết các vụ án cho cán bộ là nhiệm vụ quan trọng của toàn hệ thống các cơ quan tư pháp, quan tâm hơn nữa đến công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực về nghiệp vụ, trình độ chính trị cho các cán bộ ở các cơ quan tư pháp.

Nhìn tổng thể số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ ở các cơ quan tư pháp vẫn chưa thực sự ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ ở nước ta hiện nay. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận đội ngũ cán bộ ở các cơ quan tư pháp vẫn còn những hạn chế nhất định, trong khi đó nguồn tuyển dụng lại thiếu đa dạng, chính sách đối với cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhằm thu hút người tài. Nhiệm vụ cấp bách hiện nay đặt ra là nâng cao trách nhiệm, nhận thức và trình độ của những người tiến hành tố tụng ngang tầm với sự phát triển của xã hội và yêu cầu của cải cách tư pháp. Cùng với việc củng cố, tăng cường hệ thống bộ máy của các cơ quan tư pháp thì vấn đề đào tạo, nâng cao nhận thức, chất lượng và trách nhiệm của đội ngũ những người tiến hành tố tụng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đội ngũ cán bộ làm công tác

tư pháp hiện nay còn thiếu cả về số lượng và chất lượng, không đồng đều về trình độ, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện, ngăn ngừa những tiêu cực xảy ra đối với các cơ quan tư pháp, xử lý nghiêm minh những cán bộ sai phạm.

Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ làm công tác pháp luật. Người cán bộ làm công tác pháp luật nói chung và những người tiến hành tố tụng nói riêng bên cạnh giỏi về chuyên môn nghiệp vụ còn phải là người có đức, thể hiện qua đạo đức nghề nghiệp. Những người tiến hành tố tụng làm việc theo pháp luật và chỉ tuân theo pháp luật, tuyệt đối không được để các yếu tố tinh thần hay vật chất từ bên ngoài tác động vào làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Bên cạnh việc tuyên truyền, giáo dục về đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ làm công tác pháp luật, các cơ quan tiến hành tố tụng cần xây dựng được bộ quy tắc ứng xử của ngành mình để làm tiêu chuẩn mẫu và buộc mọi người phải tuân theo.

Với số lượng các vụ án hình sự nói chung và trộm cắp tài sản phải giải quyết ngày càng tăng, tính chất, thủ đoạn thực hiện tội phạm ngày càng tinh vi và dự báo thời gian tới nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng vào các mối quan hệ quốc tế, kinh tế xã hội ngày càng phát triển thì số lượng các vụ án ngày càng tăng nhanh, phức tạp. Vì vậy, đòi hỏi các cơ quan pháp luật, đặc biệt là các cơ quan tư pháp cần rà soát, đánh giá và dự báo đúng tình hình để xây dựng đề án, chính sách cụ thể, từ đó nhằm thu hút, tuyển dụng cán bộ có chất lượng.

3.4. Tổng kết thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội trộm cắp tài sản.

BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và một số Bộ luật, luật có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018. Trong thời gian tới, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về hình sự nói chung và hoàn

thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản nói riêng; giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật kịp thời. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật nhằm tạo ra hệ thống pháp luật đồng bộ, dễ hiểu, dễ thực hiện và mang tính khả thi cao. Hơn nữa, công tác giải thích và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật là vấn đề rất quan trọng và cần thiết nhằm làm cho pháp luật thực thi một cách đồng bộ, có hiệu quả từ trung ương đến địa phương. Vì vậy, các cơ quan tư pháp Trung ương cần có những hướng dẫn ADPL thông qua công tác nghiên cứu, khảo sát, tổng kết thực tiễn, đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng của các văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật nhằm góp phần bảo đảm sự thống nhất của pháp luật và tăng cường pháp chế XHCN.

Tổng kết thực tiễn, kinh nghiệm trong giải quyết các vụ án hình sự thực chất là tổng kết việc ADPL trong hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng theo những chủ đề nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định như nêu ra các quyết định, bản án đã ban hành đúng đắn, chính xác, có tính khuôn mẫu để toàn ngành học tập và những quyết định, bản án đã ban hành nhưng chưa thỏa đáng, chưa chính xác, còn có những vi phạm, sai lầm trong đánh giá chứng cứ, trong việc lựa chọn các QPPL để rút kinh nghiệm chung. Trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá thực chất, khách quan về tính chính xác, tính phù hợp với thực tiễn của các QPPL đã được Nhà nước ban hành. Tổng kết đánh giá những QPPL nào còn phát huy tác dụng tốt, những quy phạm pháp luật nào còn mang tính chung chung, hình thức, khó thực hiện; những quy phạm pháp luật nào không đáp ứng được yêu cầu của đời sống xã hội, để từ đó có những đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, giải thích, hướng dẫn những QPPL nhằm không ngừng nâng cao tình khả thi của các văn bản pháp luật trong việc áp dụng pháp luật các quy định đó vào thực tiễn.

Tiểu kết chương 3

Với những nội dung về lý luận và thực tiễn được phân tích, đánh giá trong chương 1 và chương 2; trong phạm vi chương 3 này, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng tội phạm trộm cắp tài sản, tác giả nhận định về tình hình tội phạm này trong thời gian tới sẽ có những diễn biến phức tạp khi mà vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình phát hiện, giải quyết các vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm khi mà ý thức pháp luật của người dân chưa được nâng cao. Đồng thời, tác giả đưa ra một số đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự, tăng cường phổ biến và nâng cao nhận thức đối với chủ thể áp dụng pháp luật và các giải pháp khác đảm bảo định tội danh và đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự đối với tội trộm cắp tài sản. Các giải pháp này góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trộm cắp tài sản đảm bảo hiệu quả áp dụng pháp luật trong quá trình định tội danh và giải quyết các vụ án trộm cắp tài sản nói chung và trên địa bàn huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội nói riêng. Bảo đảm phán quyết của Tòa án đưa ra đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

KẾT LUẬN

Qua thực tiến nghiên cứu đề tài ***"Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội"***, tác giả thấy rằng, trong năm năm (từ năm 2013 đến năm 2017) các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội đã có nhiều cố gắng nhằm giải quyết các vụ án hình sự đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; hạn chế thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội. Tuy nhiên, thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn bộc lộ một số sơ hở, thiếu sót, hạn chế, từ đó làm giảm hiệu quả trong nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm này. Bên cạnh đó, một số quy định của pháp luật về tội trộm cắp tài sản chưa rõ ràng, chưa chặt chẽ, dẫn đến nhận thức và áp dụng các quy định của BLHS và các văn bản hướng dẫn về tội trộm cắp tài sản của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng chưa thống nhất, làm cho công tác xử lý các vụ án hình sự đạt kết quả chưa cao.

Để góp phần nâng cao hiệu quả trong đấu tranh phòng chống vi phạm và tội phạm, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự trong việc giải quyết các vụ án hình sự nói chung và các vụ án trộm cắp tài sản nói riêng, đề tài đã đi sâu phân tích, đánh giá thực tiễn công tác giải quyết các vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn giai đoạn 2013 - 2017; chỉ ra được những tồn tại, thiếu sót trong nhận thức và những hạn chế cần khắc phục trong quá trình áp dụng pháp luật cũng như xử lý các vụ án hình sự. Qua đó phân tích, kiến nghị cả về lập pháp cũng như những cấn đề cần rút kinh nghiệm trong thực tiễn giải quyết các vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sóc Sơn, từ đó tìm ra các giải pháp hợp lý, đưa ra những kiến nghị phương hướng để hoàn thiện PLHS cũng như những biện pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của pháp luật hình sự như hoàn thiện quy định của pháp

luật hình sự về tội trộm cắp tài sản, tăng cường hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản; nâng cao năng lực của chủ thể ADPL; tổng kết thực tiễn ADPL hình sự về tội trộm cắp tài sản. Những giải pháp này có ý nghĩa quan trọng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trên địa bàn huyện Sóc Sơn và trong phạm vi cả nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn (bị cáo Phan Duy Chiến và Hoàng Trần Dũng).
2. Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2017/HSST ngày 17 - 20/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn (bị cáo Nguyễn Văn Phú).
3. Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2017/HSST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn (bị cáo Trần Đăng Khoa).
4. Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2017/HSST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn (bị cáo Trần Thanh Tuất).
5. Bản án hình sự sơ thẩm số 151/2017/HSST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn (bị cáo Tạ Văn Đông và Nguyễn Văn Tiến).
6. Bản án số 200/2015/HSST ngày 03/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn (bị cáo Nguyễn Thanh Tú cùng đồng phạm).
7. Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HSST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn (bị cáo Nguyễn Quang Huy).
8. Bộ luật hình sự năm 1985.
9. Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).
10. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.
11. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.
12. Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
13. Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa , Nxb Tư Pháp, Hà Nội 2007 (Đinh Bích Hà, dịch và giới thiệu).
14. Bộ luật dân sự năm 2005.
15. Bộ luật dân sự năm 2015.
16. Nguyễn Mai Bộ (2010), *Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Bộ tư pháp (1999), *Số chuyên đề về luật hình sự của một số nước trên thế giới*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 6.
18. Cáo trạng số 100/CT-VKS ngày 17/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn (bị can Phan Duy Chiến và Hoàng Trần Dũng).

19. Cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 05/4/2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn (bị can Nguyễn Văn Phú).
20. Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 31/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn (bị can Trần Đăng Khoa).
21. Cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 01/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn (bị can Trần Thanh Tuất).
22. Cáo trạng số 171/CT-VKS ngày 01/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn (bị can Tạ Văn Đông và Nguyễn Văn Tiến).
23. Cáo trạng số 95/CT-VKS ngày 07/5/2015 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn (bị can Nguyễn Thanh Tú cùng đồng phạm).
24. Trần Mạnh Hà, *Định tội danh tội trộm cắp tài sản qua một số dấu hiệu đặc trưng,* Tạp chí nghề luật, số 5/2006.
25. Nguyễn Ngọc Hòa (2004), *Cấu thành tội phạm - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
26. Đinh Thế Hưng - Trần Văn Biên (2010). *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,* - Viện Nhà nước và pháp luật - Chương XIV: Các tội xâm phạm sở hữu, Nxb Lao động
27. Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội.
28. Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999.
29. Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự.
30. Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt.

31. Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo.
32. Hồ Trọng Ngũ (2009), *Vấn đề tội phạm có tổ chức và trách nhiệm hình sự pháp nhân trong sửa đổi BLHS năm 1999,* Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Hà Nội.
33. Cao Thị Oanh - chủ biên (2015), *Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Cao Thị Oanh - Lê Đăng Doanh (chủ biên), *Bình luận Bộ luật hình sự năm 2015*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
35. Cao Thị Oanh (2015), *Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Pháp lệnh số 149-LCT ngày 21 tháng 10 năm 1970 trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa.
37. Pháp lệnh số 150-LCT ngày 21 tháng 10 năm 1970 trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân.
38. Pháp lệnh số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002 về việc xử lý vi phạm hành chính.
39. Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính số 04/2008/UBTVQH12 ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
40. Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học BLHS phần các tội phạm - tập 2,* Nxb TP.HCM.
41. Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời số 47 ngày 10 tháng 10 năm 1945.
42. Sắc lệnh của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa số 12-SL ngày 12 tháng 3 năm 1948 phạt tội ăn cắp lấy trộm các vật dụng của nhà binh trong thời bình và trong thời kỳ chiến tranh.
43. Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân

tối cao - Bộ công an - Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ luật hình sự năm 1999.

44. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (tập 2)* , Nxb Công an nhân dân.
45. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, tập 1*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
46. Trường Đại học Luật Nà Nội (2012), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, tập 2*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Nguyễn Văn Trượng (2008), *Một số vấn đề cần hoàn thiện đối với tội trộm cắp tài sản,* Tạp chí TAND, số 3.
49. Nguyễn Ngọc Hòa - Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật hình sự,* Nxb Tư Pháp.
50. Viện khoa học pháp lý, *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (phần các tội phạm)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
51. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình lý luận chung về định tội danh,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
52. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
53. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
54. www.socson.hanoi.gov.vn
55. www. vi.wikipedia.org